

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



TÍN HIỆU PHÂN PHỐI NGẮN HẠN

Ngày: 28/04/2026 – 29/04/2026

NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN

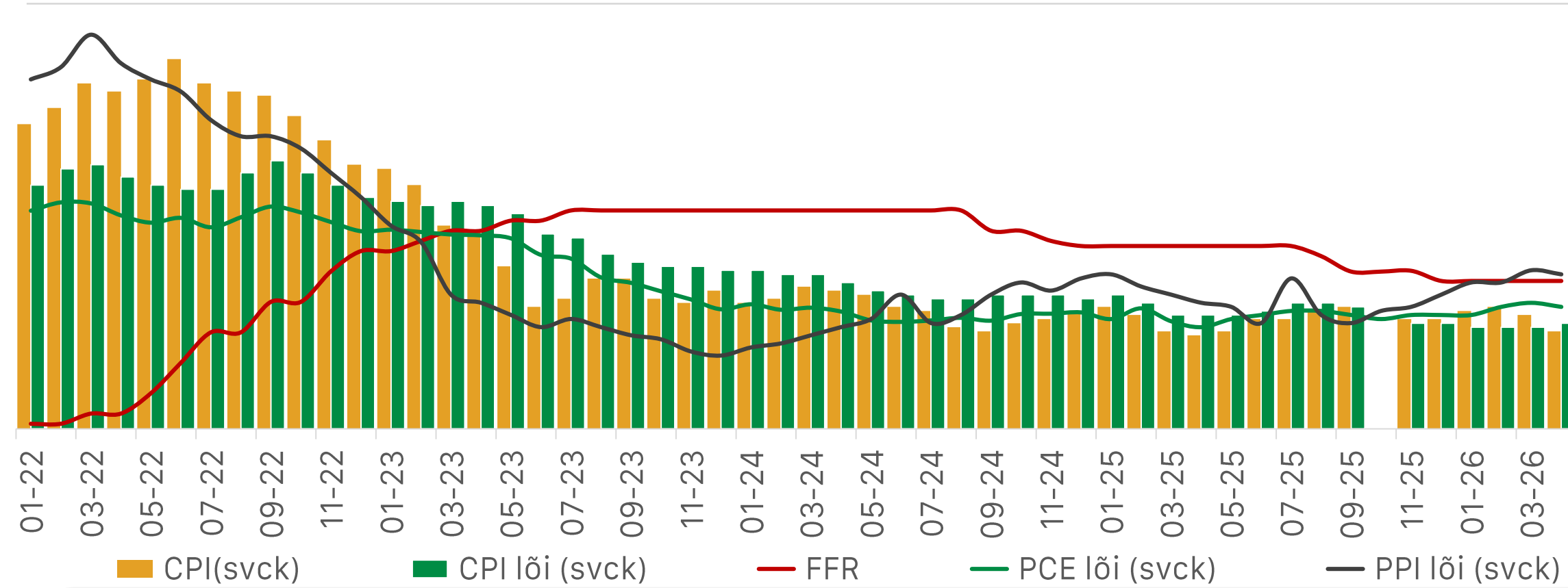


TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

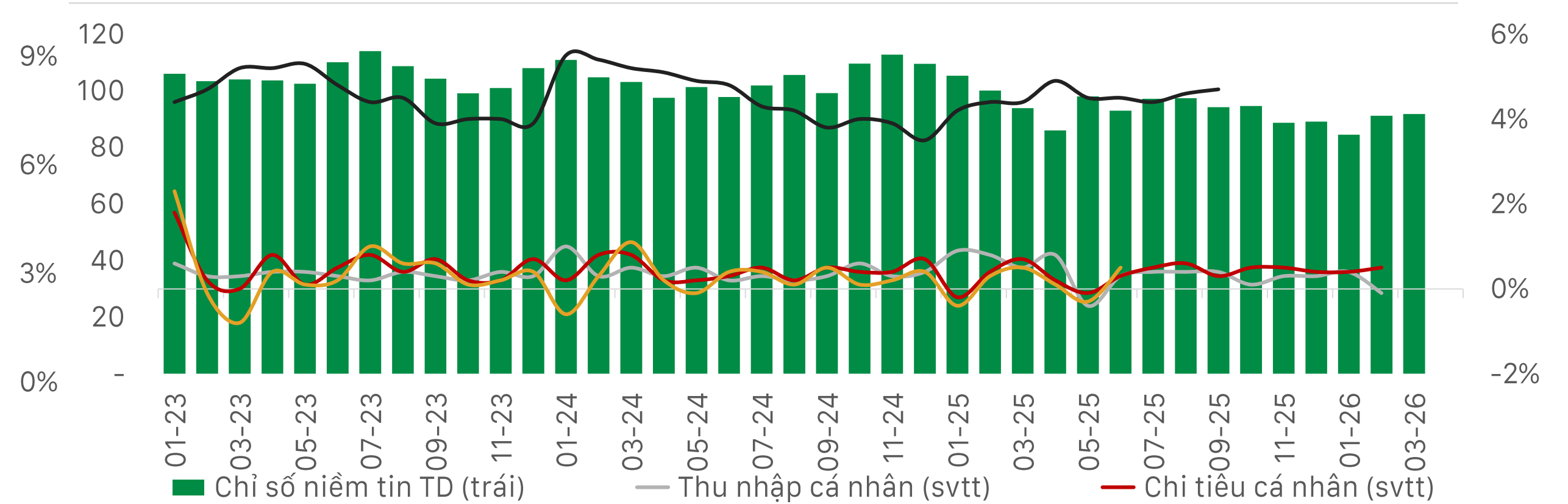


Bức tranh kinh tế Mỹ thể hiện trạng thái "hạ cánh mềm nhưng chưa hoàn toàn an toàn". Tăng trưởng vẫn được duy trì nhờ đầu tư công nghệ và nền tảng kinh tế vững, nhưng đang dần chậm lại khi tiêu dùng suy yếu và chính sách tiền tệ vẫn thắt chặt tương đối. Lạm phát giảm nhưng không đủ nhanh để cho phép Fed chuyển sang chu kỳ nới lỏng mạnh, khiến môi trường tài chính tiếp tục duy trì mức độ hạn chế nhất định đối với hoạt động kinh tế. Trong ngắn hạn, kịch bản cơ sở là kinh tế Mỹ tiếp tục tăng trưởng quanh 2%, tránh suy thoái nhưng thiếu động lực bùng nổ. Tuy nhiên, rủi ro nằm ở việc nếu tiêu dùng suy yếu nhanh hơn kỳ vọng hoặc thị trường lao động điều chỉnh mạnh, nền kinh tế có thể chuyển sang trạng thái tăng trưởng thấp hơn. Ngược lại, nếu năng suất từ AI và đầu tư doanh nghiệp tiếp tục cải thiện, Mỹ vẫn có thể duy trì vai trò động lực tăng trưởng chính của kinh tế toàn cầu trong 2026, dù trong một môi trường chính sách thận trọng và nhiều biến số hơn trước.

. Tăng trưởng duy trì nhưng có dấu hiệu phân hóa rõ rệt

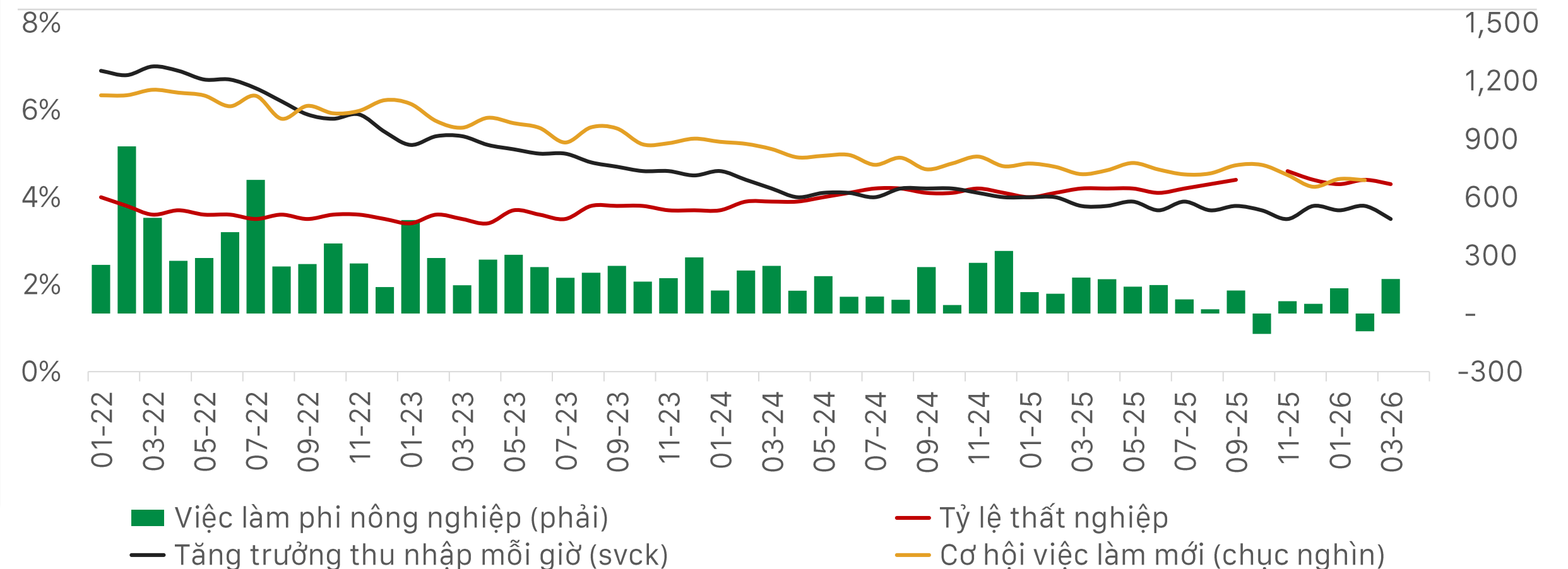


Lạm phát giảm chậm, khiến Federal Reserve duy trì lập trường thận trọng



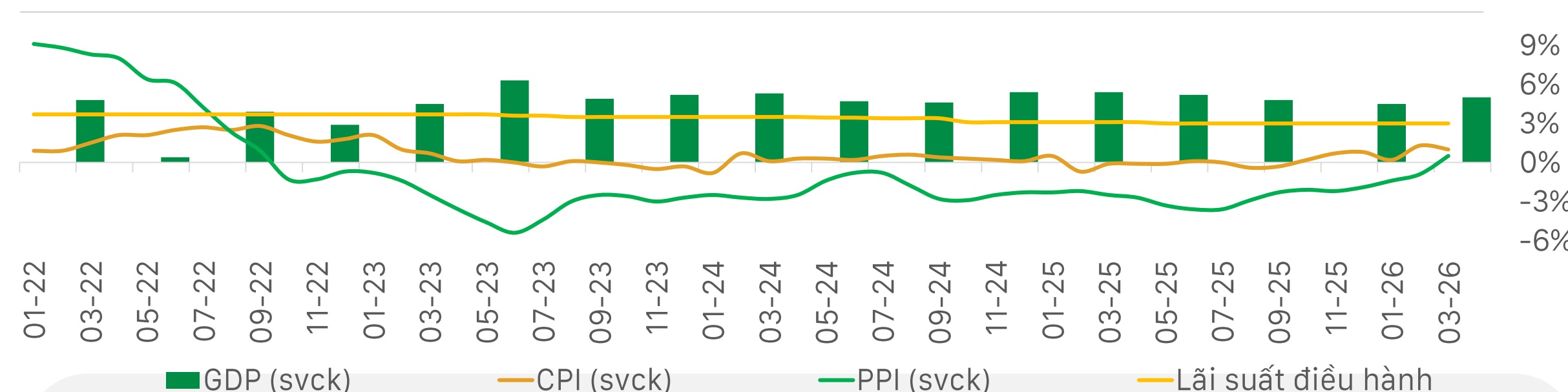
1. Tăng trưởng duy trì nhưng có dấu hiệu phân hóa rõ rệt. Các dữ liệu và phân tích gần đây cho thấy kinh tế Mỹ vẫn tăng trưởng quanh 2–2,3% trong năm 2026, nhưng động lực không đồng đều: đầu tư doanh nghiệp (đặc biệt liên quan đến AI và công nghệ) tiếp tục tích cực, trong khi tiêu dùng hộ gia đình bắt đầu chậm lại do chi phí vay cao và sức mua bị bào mòn trước đó. Lĩnh vực sản xuất cải thiện nhẹ nhưng chưa đủ mạnh để trở thành trụ cột, khiến tăng trưởng mang tính "lệch pha" giữa các khu vực. **2. Lạm phát giảm chậm, khiến Federal Reserve duy trì lập trường thận trọng.** Lạm phát tại Mỹ tiếp tục xu hướng giảm nhưng vẫn neo trên mục tiêu 2%, đặc biệt là lạm phát dịch vụ còn "cứng". Điều này khiến Fed duy trì quan điểm "higher for longer", trì hoãn việc cắt giảm lãi suất mạnh. Kỳ vọng thị trường hiện nghiêng về kịch bản cắt giảm lãi suất hạn chế trong nửa cuối 2026, thay vì nới lỏng nhanh như kỳ vọng trước đó. Chính sách tiền tệ vì vậy vẫn đóng vai trò kiểm soát lạm phát hơn là kích thích tăng trưởng. **3. Thị trường lao động hạ nhiệt dần nhưng chưa suy yếu.** Thị trường lao động Mỹ tiếp tục giảm nhiệt một cách có kiểm soát: số việc làm mới giảm so với giai đoạn 2024–2025, tăng trưởng tiền lương chậm lại, nhưng tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức thấp lịch sử. Sự điều chỉnh này giúp giảm áp lực lạm phát tiền lương, nhưng đồng thời cũng khiến động lực tiêu dùng yếu dần, làm gia tăng rủi ro tăng trưởng chậm lại trong các quý tới.

Thị trường lao động hạ nhiệt dần nhưng chưa suy yếu



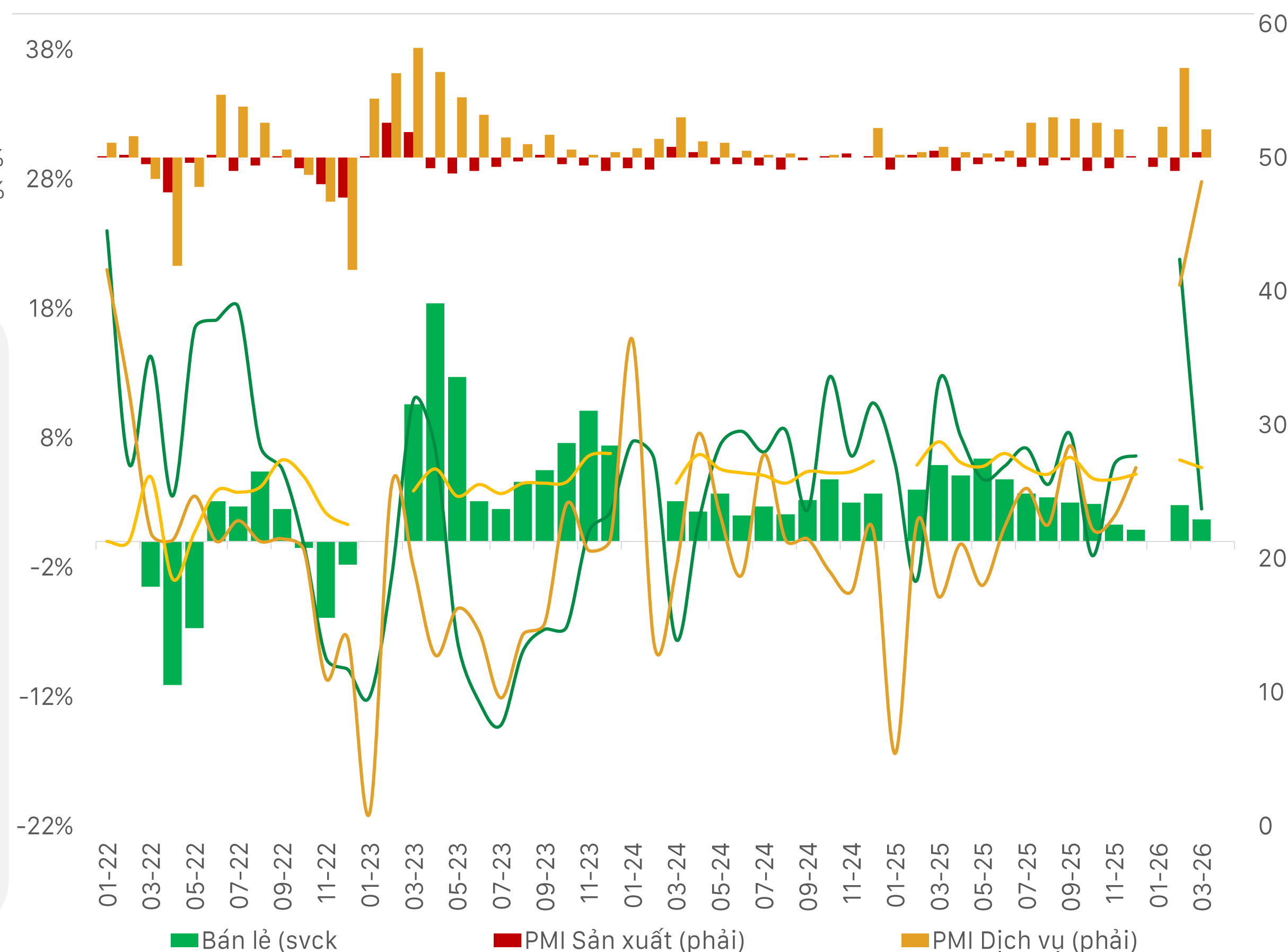
Kinh tế Trung Quốc thể hiện trạng thái “phục hồi không đồng đều và thiếu động lực nội sinh”. Vấn đề cốt lõi không còn là chu kỳ ngắn hạn mà là chuyển đổi mô hình tăng trưởng: từ bất động sản và đầu tư công sang tiêu dùng và công nghệ. Tuy nhiên, quá trình này diễn ra chậm do niềm tin khu vực tư nhân suy yếu và bảng cân đối của hộ gia đình bị ảnh hưởng sau chu kỳ bất động sản. Trong ngắn hạn, kịch bản cơ sở là tăng trưởng duy trì quanh 4–4,5%, với chính sách tiếp tục nới lỏng có kiểm soát nhưng khó tạo bất phá mạnh. Rủi ro lớn nhất nằm ở việc bất động sản suy yếu kéo dài hơn dự kiến, làm xói mòn niềm tin và gây hiệu ứng lan tỏa sang tài chính – ngân sách địa phương. Ngược lại, nếu các biện pháp hỗ trợ chuyển sang quy mô lớn hơn và cải thiện niềm tin khu vực tư nhân, Trung Quốc có thể ổn định tăng trưởng và từng bước tái cân bằng. Dù vậy, trong trung hạn, nền kinh tế nhiều khả năng sẽ bước vào giai đoạn tăng trưởng thấp hơn nhưng bền vững hơn, phản ánh quá trình điều chỉnh cấu trúc sâu rộng.

Tăng trưởng duy trì nhưng thiếu lực kéo bền vững



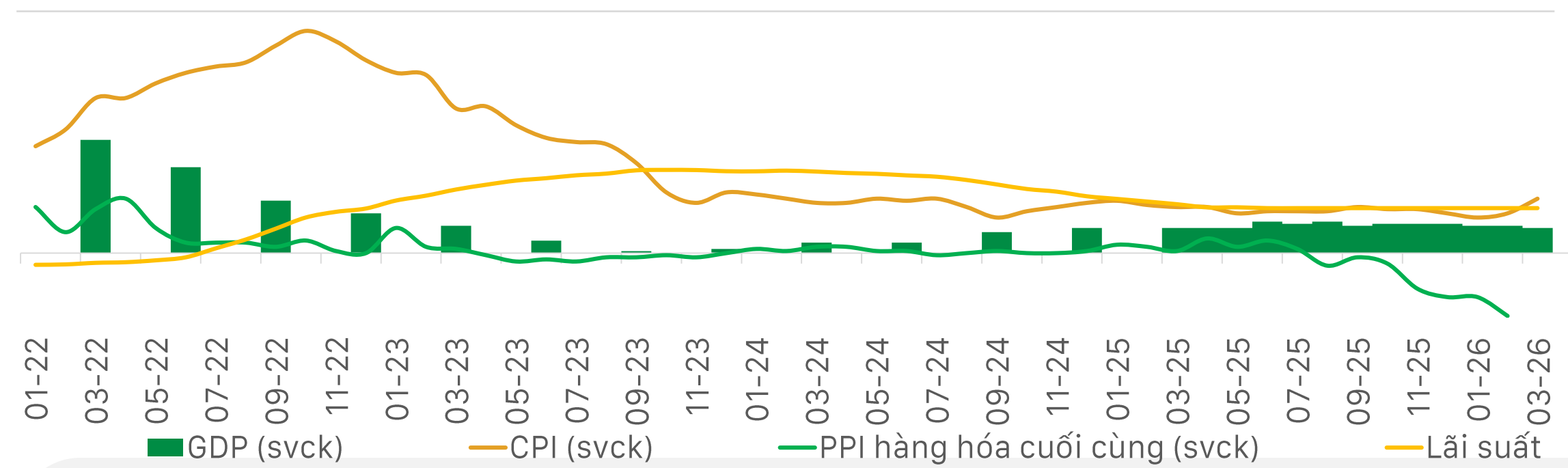
1. Tăng trưởng duy trì nhưng thiếu lực kéo bền vững. Kinh tế Trung Quốc giữ được nhịp tăng trưởng quanh 4,5–5%, chủ yếu nhờ xuất khẩu phục hồi theo chu kỳ công nghệ và các ngành sản xuất chiến lược (xe điện, pin, thiết bị năng lượng). Tuy nhiên, cầu nội địa yếu – đặc biệt là tiêu dùng hộ gia đình – do thu nhập kỳ vọng thấp và tâm lý thận trọng. Đầu tư tư nhân phục hồi chậm, khiến cấu trúc tăng trưởng tiếp tục phụ thuộc vào khu vực công và xuất khẩu, thay vì chuyển sang mô hình dẫn dắt bởi tiêu dùng. **2. Bất động sản suy yếu kéo dài, lan sang hệ thống tài chính.** Khủng hoảng trong lĩnh vực bất động sản vẫn là điểm nghẽn lớn: doanh số bán nhà giảm, giá nhà đi ngang hoặc giảm ở nhiều thành phố, và áp lực thanh khoản đối với các doanh nghiệp phát triển chưa được giải quyết triệt để. Điều này ảnh hưởng đến tài sản hộ gia đình, niềm tin tiêu dùng và nguồn thu ngân sách địa phương. Các biện pháp hỗ trợ (nới lỏng tín dụng, giảm lãi suất, chương trình hoàn thiện dự án dang dở) giúp hạn chế rủi ro hệ thống nhưng chưa tạo được chu kỳ phục hồi rõ ràng. **3. Chính sách vĩ mô nới lỏng có chọn lọc nhưng hiệu quả truyền dẫn hạn chế.** People's Bank of China duy trì lập trường nới lỏng thận trọng (giảm lãi suất, hạ RRR), trong khi chính sách tài khóa tập trung vào hạ tầng và công nghệ. Tuy nhiên, hiệu quả truyền dẫn yếu do cầu tín dụng thấp và khu vực tư nhân dè dặt mở rộng đầu tư. Đồng thời, áp lực bên ngoài (căng thẳng thương mại, dịch chuyển chuỗi cung ứng) khiến Trung Quốc phải cân bằng giữa ổn định tăng trưởng ngắn hạn và tái cấu trúc dài hạn.

Chính sách vĩ mô nới lỏng có chọn lọc nhưng hiệu quả truyền dẫn hạn chế.



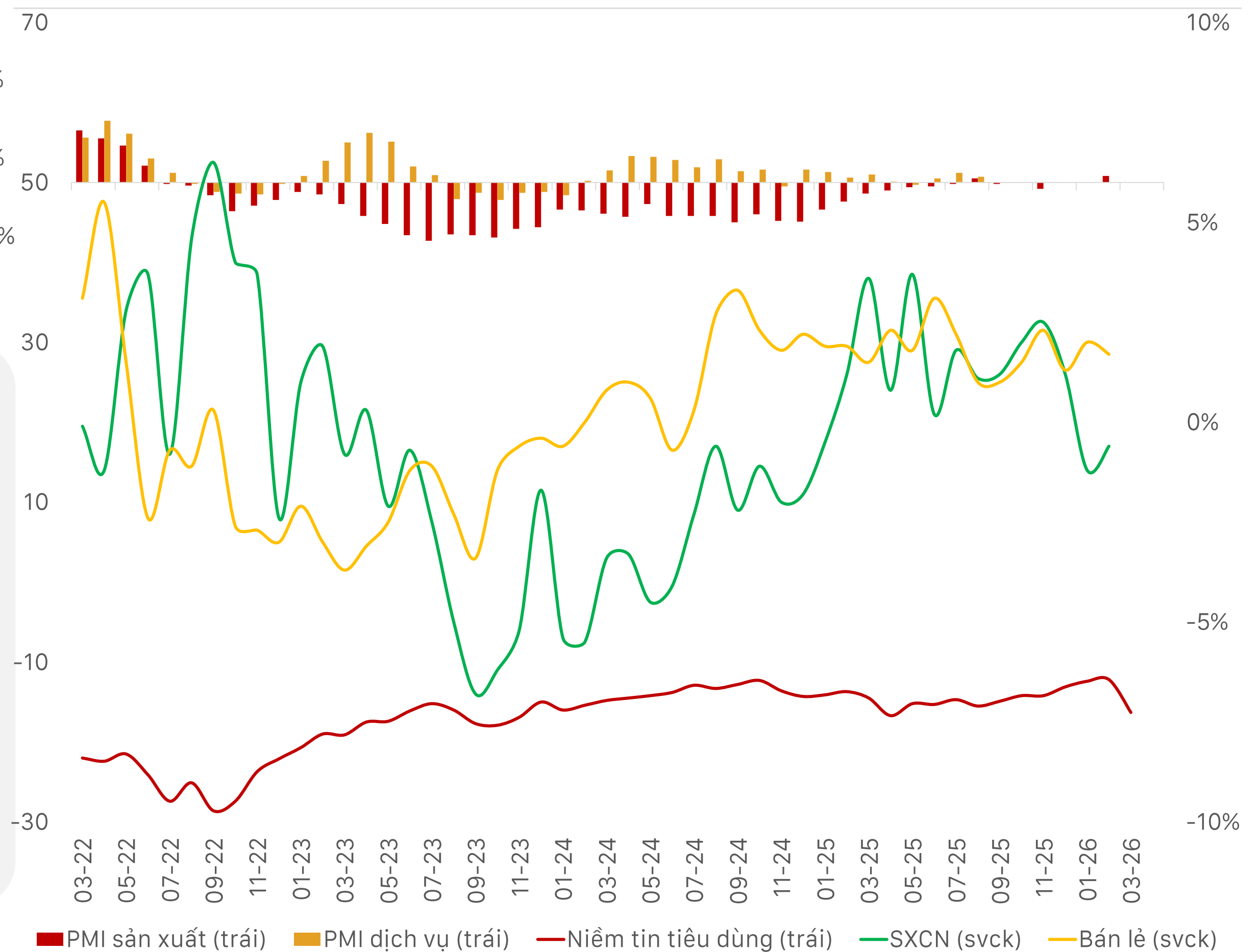
Kinh tế châu Âu thể hiện trạng thái “ổn định nhưng thiếu động lực bứt phá”. Việc lạm phát giảm về gần mục tiêu đã giúp môi trường tài chính bớt căng thẳng và mở ra khả năng nới lỏng chính sách tiền tệ, nhưng điều này không đủ để nhanh chóng khôi phục tốc độ tăng trưởng cao. Những thách thức cấu trúc — bao gồm năng suất thấp, dân số già hóa và sự phụ thuộc lớn vào thương mại toàn cầu — tiếp tục hạn chế tiềm năng tăng trưởng của khu vực. Trong trung hạn, triển vọng của châu Âu phụ thuộc vào khả năng tăng đầu tư công nghệ, chuyển đổi năng lượng và củng cố thị trường nội khối để tạo ra nguồn tăng trưởng mới. Nếu các chính sách kích thích đầu tư và cải thiện năng suất được triển khai hiệu quả, khu vực có thể duy trì tăng trưởng ổn định quanh 1–1,5 % trong giai đoạn 2026–2027. Tuy nhiên, nếu cầu nội địa và đầu tư tư nhân không cải thiện đáng kể, châu Âu có nguy cơ tiếp tục rơi vào trạng thái tăng trưởng thấp kéo dài so với các trung tâm kinh tế lớn khác trên thế giới.

Tăng trưởng trì trệ, phân hóa giữa các nền kinh tế lõi



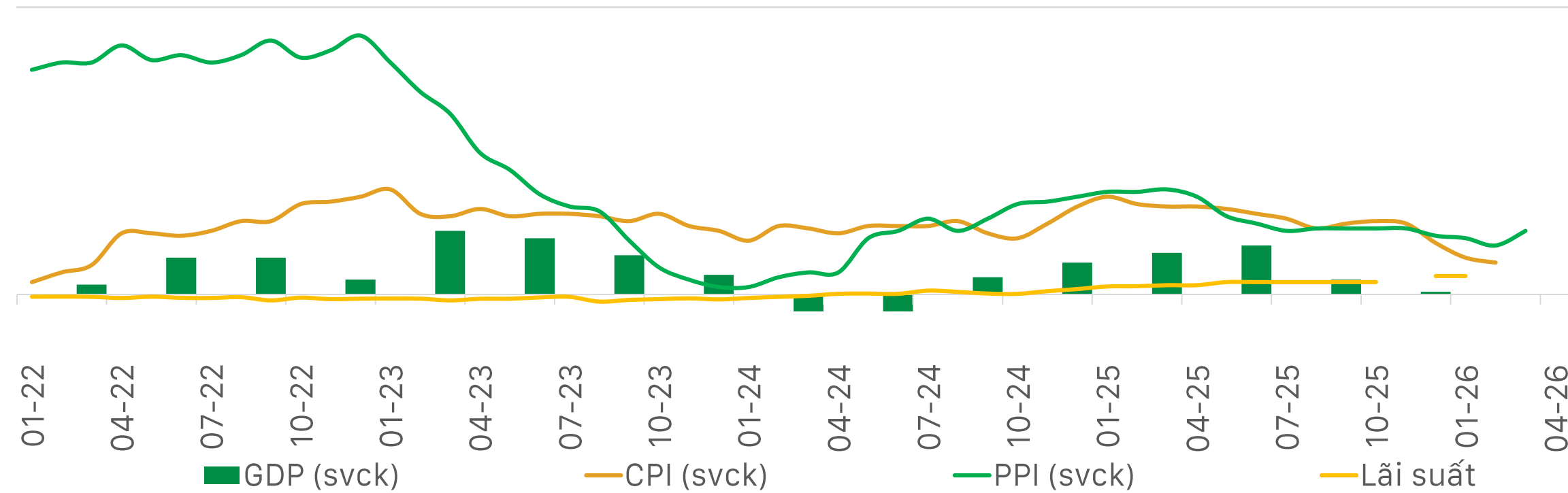
1. Tăng trưởng trì trệ, phân hóa giữa các nền kinh tế lõi. Khu vực Eurozone duy trì mức tăng trưởng thấp, quanh 0,5–1%, phản ánh nhu cầu nội địa yếu và tác động kéo dài từ lãi suất cao trước đó. Germany tiếp tục là điểm nghẽn với sản xuất công nghiệp suy yếu và phụ thuộc xuất khẩu, trong khi France và Spain có phần ổn định hơn nhờ tiêu dùng và dịch vụ. Tổng thể, tăng trưởng mang tính phân hóa rõ rệt, thiếu một động lực chung đủ mạnh để kéo toàn khu vực. **2. Lạm phát giảm nhanh, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ.** Lạm phát tại châu Âu đã giảm đáng kể về gần mục tiêu 2%, đặc biệt là nhờ giá năng lượng hạ nhiệt và cầu yếu. Điều này tạo điều kiện để European Central Bank bắt đầu chu kỳ cắt giảm lãi suất sau giai đoạn thắt chặt mạnh trước đó. Tuy nhiên, lạm phát dịch vụ vẫn tương đối “cứng”, khiến ECB duy trì cách tiếp cận nới lỏng thận trọng, tránh rủi ro đảo chiều chính sách quá sớm. **3. Cầu nội địa yếu và áp lực cấu trúc tiếp tục đè nặng triển vọng.** Tiêu dùng hộ gia đình phục hồi chậm do thu nhập thực cải thiện chưa đủ mạnh và tâm lý thận trọng. Đầu tư doanh nghiệp bị kìm hãm bởi chi phí vốn cao và triển vọng tăng trưởng kém hấp dẫn. Bên cạnh đó, châu Âu vẫn đối mặt với các vấn đề dài hạn như giá năng lượng cao tương đối, già hóa dân số và năng suất thấp, làm suy giảm khả năng cạnh tranh và hạn chế tốc độ phục hồi.

Cầu nội địa yếu và áp lực cấu trúc tiếp tục đè nặng triển vọng



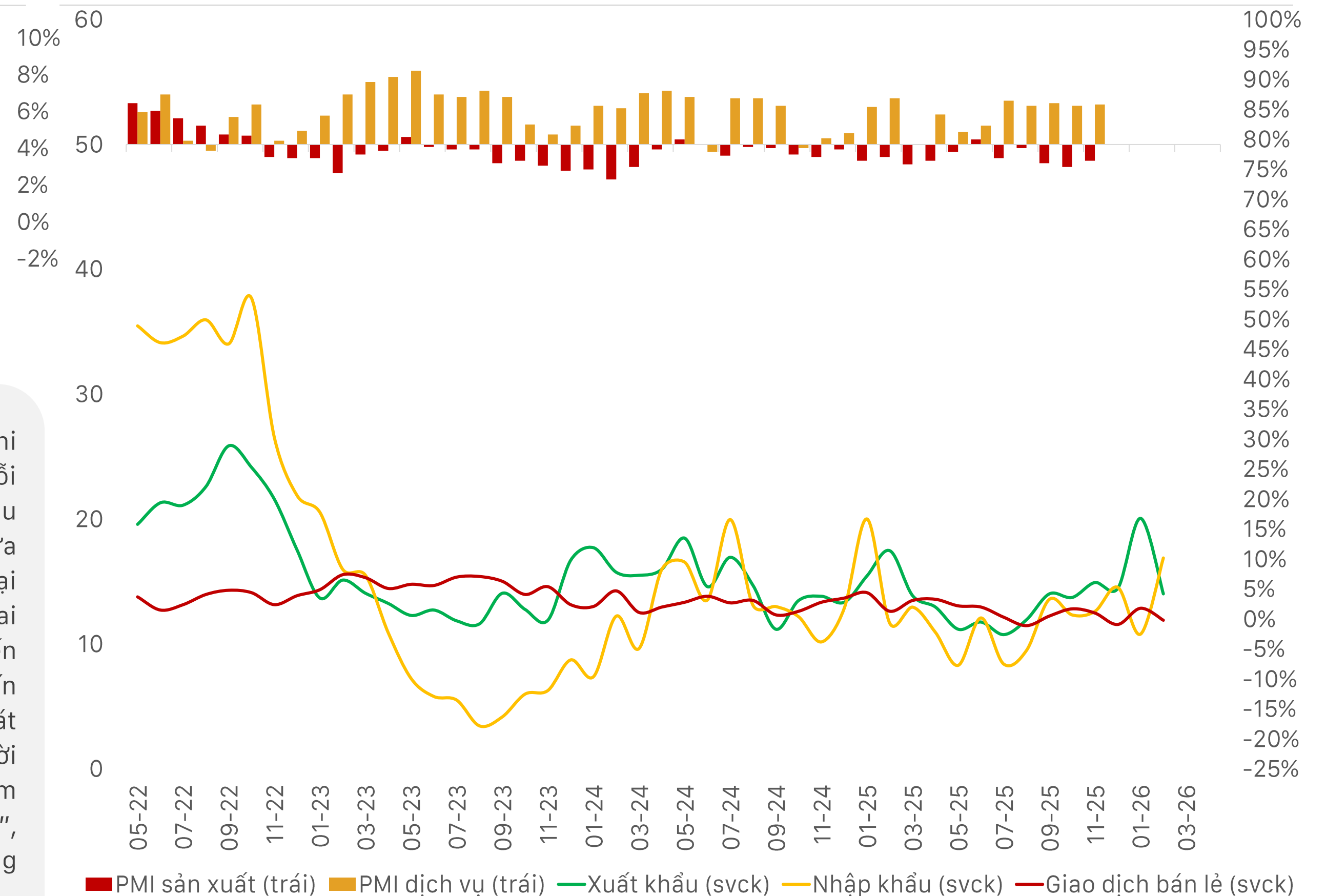
Nền kinh tế Nhật Bản đang ở giai đoạn chuyển đổi quan trọng: từ giảm phát kéo dài sang trạng thái lạm phát dương ổn định, nhưng quá trình này diễn ra chậm và chưa chắc chắn. Điểm cốt lõi không nằm ở tăng trưởng ngắn hạn mà ở việc liệu nền kinh tế có hình thành được vòng xoáy tích cực giữa tiền lương – tiêu dùng – lạm phát hay không. Trong kịch bản cơ sở, Nhật Bản duy trì tăng trưởng khoảng ~1%, với chính sách của Bank of Japan tiếp tục bình thường hóa rất từ tốn. Rủi ro lớn nhất là lạm phát suy yếu trở lại nếu tiêu dùng không cải thiện, khiến nền kinh tế quay về trạng thái trì trệ. Ngược lại, nếu tăng lương được duy trì và lan rộng, Nhật Bản có thể bước vào một giai đoạn tăng trưởng ổn định hơn sau nhiều thập kỷ. Tuy nhiên, trong trung hạn, các yếu tố cấu trúc như già hóa dân số và năng suất thấp vẫn sẽ giới hạn tốc độ tăng trưởng, khiến triển vọng dài hạn duy trì ở mức khiêm tốn nhưng ổn định hơn trước.

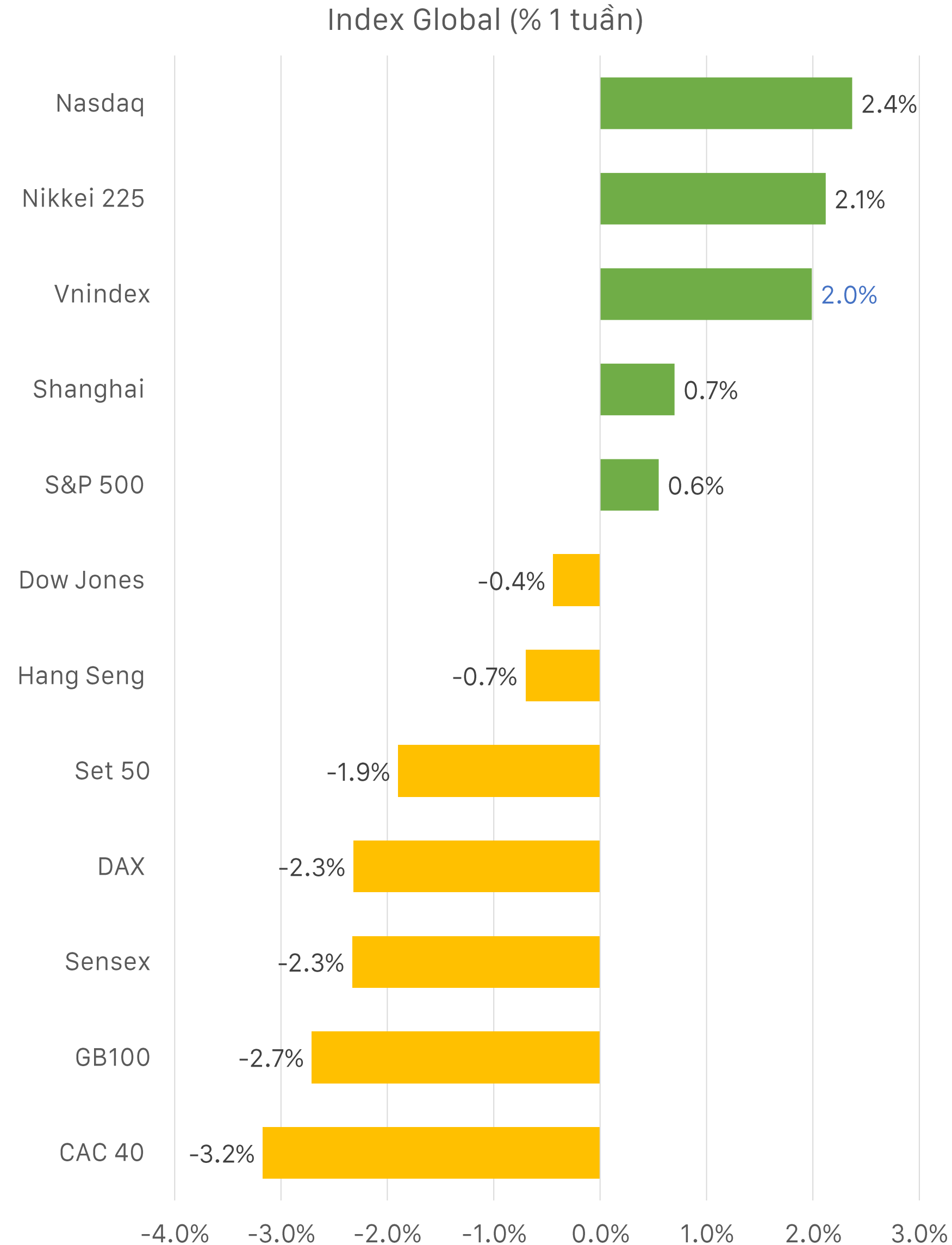
Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa



1. Tăng trưởng duy trì ở mức trung bình, dựa vào xuất khẩu và chu kỳ công nghệ. Kinh tế Japan ghi nhận tăng trưởng khoảng 0,8–1,5%, với động lực chính đến từ xuất khẩu (đặc biệt liên quan đến chuỗi cung ứng bán dẫn và công nghệ) và du lịch phục hồi. Tuy nhiên, tiêu dùng nội địa vẫn yếu, khi thu nhập thực bị bào mòn trong giai đoạn lạm phát trước đó, khiến tăng trưởng mang tính “lệch” và chưa thực sự bền vững. **2. Lạm phát duy trì trên mục tiêu nhưng động lực chưa vững chắc.** Lạm phát tại Nhật Bản duy trì quanh hoặc trên mức 2%, chủ yếu do chi phí nhập khẩu và hiệu ứng tỷ giá trong giai đoạn trước. Dù vậy, lạm phát cầu kéo và tăng trưởng tiền lương thực chất vẫn chưa đủ mạnh, khiến khả năng thoát khỏi trạng thái giảm phát dài hạn còn mong manh. Các đợt tăng lương gần đây là tín hiệu tích cực, nhưng cần thời gian để lan tỏa vào tiêu dùng và tạo vòng xoáy tăng trưởng–lạm phát bền vững. **3. Bank of Japan bắt đầu bình thường hóa chính sách nhưng rất thận trọng.** Sau thời gian dài duy trì chính sách siêu nới lỏng, BOJ đã từng bước thoát khỏi lãi suất âm và điều chỉnh kiểm soát đường cong lợi suất (YCC). Tuy nhiên, tốc độ thắt chặt rất chậm và mang tính “thử nghiệm”, nhằm tránh gây sốc cho thị trường tài chính và nền kinh tế. Chính sách tiền tệ vì vậy vẫn hỗ trợ tăng trưởng, dù định hướng dài hạn là bình thường hóa.

Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính





- Thị trường chứng khoán Mỹ** duy trì xu hướng tích cực nhưng đã xuất hiện dấu hiệu chững lại trong tuần qua. Chỉ số S&P 500 tiếp tục thiết lập đỉnh lịch sử quanh 7,165 điểm vào ngày 24/4, cho thấy xu hướng tăng trung hạn vẫn rất mạnh, được hỗ trợ bởi kỳ vọng lợi nhuận doanh nghiệp và làn sóng đầu tư vào công nghệ, đặc biệt là AI. Tuy nhiên, diễn biến trong tuần lại khá giằng co: Dow Jones giảm nhẹ, trong khi S&P 500 và Nasdaq tăng không đáng kể theo bảng thống kê của bạn. Áp lực đến từ yếu tố địa chính trị (căng thẳng Mỹ–Iran) và tâm lý thận trọng trước mùa công bố lợi nhuận quý I/2026. Điều này cho thấy dòng tiền chưa rút khỏi thị trường, nhưng đang chuyển sang trạng thái chọn lọc hơn, tập trung vào các cổ phiếu dẫn dắt thay vì lan tỏa toàn diện.
- Thị trường chứng khoán quốc tế**, xu hướng chung là tăng nhưng có sự phân hóa theo khu vực. Các thị trường phát triển như châu Âu (DAX, CAC40, Euro Stoxx 50) ghi nhận mức tăng nhẹ theo tháng nhưng lại điều chỉnh trong tuần, phản ánh áp lực chốt lời ngắn hạn. Trong khi đó, châu Á thể hiện tích cực hơn: Nikkei 225 tăng mạnh cả tuần và đạt mức tăng vượt trội từ đầu năm, cho thấy dòng tiền đang quay lại Nhật Bản nhờ chính sách tiền tệ nới lỏng và đồng yên yếu. Thị trường Trung Quốc (Shanghai, Hang Seng) tăng nhẹ nhưng vẫn kém hấp dẫn do yếu tố nội tại chưa cải thiện rõ rệt. Đáng chú ý, Việt Nam (VNIndex) có mức tăng tốt trong tháng và năm, phản ánh vai trò của dòng tiền nội và kỳ vọng nâng hạng. Nhìn chung, dòng tiền toàn cầu đang duy trì trạng thái “risk-on có kiểm soát”, nghĩa là vẫn ưu tiên tài sản rủi ro nhưng thận trọng hơn trước biến động vĩ mô.
- Về thị trường hàng hóa**, giá dầu WTI tăng mạnh trong tuần (+14.3%) là tín hiệu đáng chú ý, chủ yếu do rủi ro địa chính trị làm gián đoạn nguồn cung. Điều này gián tiếp gây áp lực lên lạm phát và chính sách tiền tệ, qua đó ảnh hưởng đến định giá cổ phiếu. Đồng USD (DXY) gần như đi ngang, cho thấy thị trường chưa hình thành xu hướng rõ ràng về chính sách của Fed trong ngắn hạn.

Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	4,709.27	-2.6%	4.0%	9.0%	41.9%
WTI/USD	94.40	14.3%	4.5%	64.4%	49.8%
Bitcoin	77,957	5.5%	17.5%	-10.9%	-16.9%
Dow Jones	49,231	-0.4%	6.0%	2.4%	22.7%
S&P 500	7,165	0.6%	8.7%	4.7%	29.7%
Nasdaq	27,304	2.4%	13.0%	8.1%	40.5%
GP100	10,379	-2.7%	2.7%	4.5%	23.3%
DAX	24,129	-2.3%	5.1%	-1.5%	8.5%
CAC 40	8,158	-3.2%	4.0%	0.1%	8.3%
Euro Stoxx 50	5,883	-2.9%	4.1%	1.6%	14.2%
Nikkei 225	59,716	2.1%	11.1%	18.6%	67.3%
Shanghai	4,080	0.7%	3.8%	2.8%	23.8%
Hang Seng	25,978	-0.7%	2.5%	1.4%	18.2%
Vnindex	1,853	2.0%	11.8%	3.9%	50.8%
VND/USD	26,359	0.1%	0.0%	0.2%	1.3%
DXY	98.53	0.4%	-1.1%	0.2%	-0.9%

- Đối với Bitcoin**, tuần qua ghi nhận diễn biến tích cực với mức tăng khoảng 5.5%, dao động quanh vùng 75,000–78,000 USD . Động lực chính đến từ dòng tiền ETF và kỳ vọng “risk-on” quay trở lại sau giai đoạn điều chỉnh mạnh trước đó. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng Bitcoin vẫn đang thấp hơn đáng kể so với đỉnh năm 2025 (giảm hơn 40%) , và ngày càng có xu hướng vận động giống tài sản rủi ro. Điều này lý giải vì sao Bitcoin tăng cùng chiều với chứng khoán Mỹ trong tuần qua. Ngoài ra, dữ liệu cho thấy dòng tiền tổ chức vẫn đang quay lại thị trường crypto, thể hiện qua lượng inflow ETF lớn . Tuy nhiên, biến động vẫn cao và phụ thuộc nhiều vào thanh khoản toàn cầu, nên xu hướng ngắn hạn có thể tiếp tục dao động mạnh quanh vùng kháng cự 80,000 USD.
- Giá vàng** lại có diễn biến trái chiều. Vàng giảm 2.6% trong tuần dù vẫn tăng mạnh trong dài hạn. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc đồng USD và lợi suất trái phiếu tăng, làm giảm sức hấp dẫn của tài sản không sinh lãi như vàng . Bên cạnh đó, dù căng thẳng địa chính trị gia tăng, vàng không còn phản ứng mạnh như trước do dòng tiền đang ưu tiên các tài sản sinh lời cao hơn. Điều này cho thấy vai trò trú ẩn an toàn của vàng trong giai đoạn hiện tại đang suy yếu tương đối, ít nhất là trong ngắn hạn. Tuy nhiên, xét dài hạn, vàng vẫn giữ xu hướng tăng nhờ nhu cầu phòng ngừa lạm phát và bất ổn kinh tế toàn cầu.
- Tổng kết lại, tuần 20–24/4 phản ánh một trạng thái thị trường khá đặc trưng: chứng khoán Mỹ vẫn là trung tâm của xu hướng tăng, nhưng đang bước vào giai đoạn tích lũy và phân hóa; thị trường quốc tế tăng nhưng không đồng đều. Trong ngắn hạn, yếu tố cần theo dõi là mùa báo cáo lợi nhuận doanh nghiệp Mỹ và diễn biến địa chính trị, vì đây sẽ là hai biến số quyết định việc thị trường tiếp tục xu hướng tăng hay bước vào nhịp điều chỉnh sâu hơn.

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

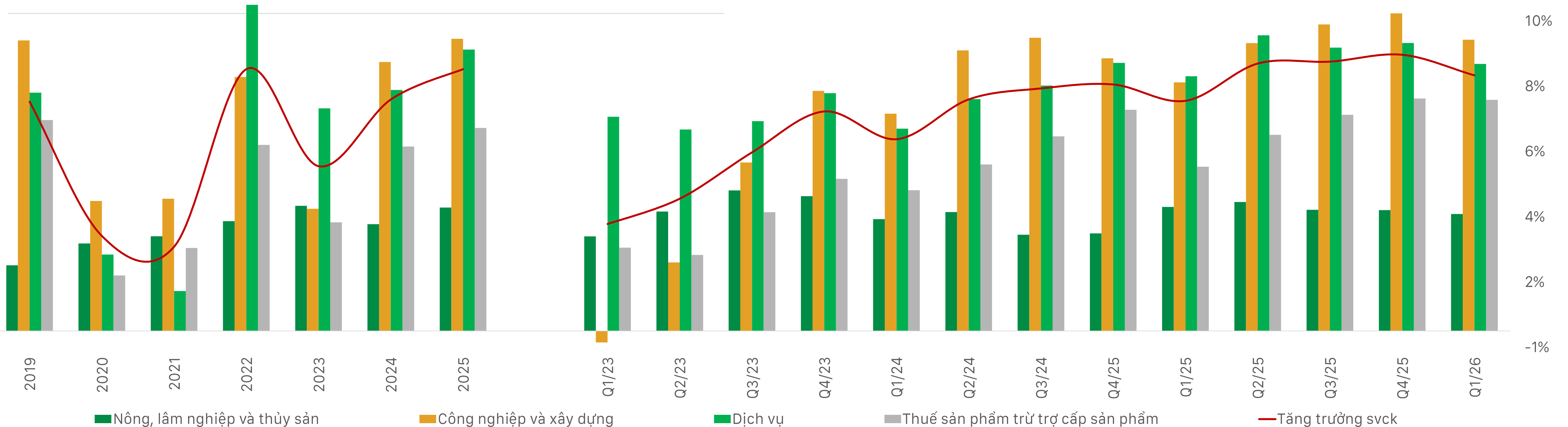


TĂNG TRƯỞNG GDP CAO NHƯNG ÁP LỰC LỚN ĐỂ ĐẠT MỤC TIÊU HAI CHỮ SỐ

GDP quý I/2026 cho thấy kinh tế Việt Nam đang chuyển từ trạng thái phục hồi sang tăng trưởng thực chất và ổn định hơn, với động lực đến đồng thời từ sản xuất công nghiệp và cầu nội địa, tạo nên cấu trúc tăng trưởng tương đối cân bằng. Công nghiệp chế biến tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt, phản ánh sự gắn kết sâu với chuỗi cung ứng toàn cầu, trong khi khu vực dịch vụ phục hồi mạnh giúp khuếch đại tăng trưởng và giảm bớt phụ thuộc vào xuất khẩu thuần. Tuy nhiên, đằng sau bức tranh tích cực này, nền kinh tế vẫn mang tính "mở" cao, phụ thuộc đáng kể vào khu vực FDI và đầu vào nhập khẩu, khiến tăng trưởng còn nhạy cảm với biến động bên ngoài. Nhìn chung, đây là giai đoạn tăng trưởng có nền tảng tốt hơn trước, nhưng để bền vững, cần tiếp tục củng cố nội lực và nâng cao chất lượng tăng trưởng.

➤ Dù GDP quý I/2026 khởi đầu tích cực, triển vọng cả năm vẫn mang tính "thách thức cao" khi Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng khoảng 10% hoặc cao hơn, tức là bước nhảy mạnh so với nền tăng trưởng khoảng 8% của năm trước. Điều này hàm ý phần còn lại của năm phải tăng tốc đáng kể, đặc biệt ở các quý sau theo kịch bản tăng trưởng cao dần theo thời gian, với động lực chính từ công nghiệp và dịch vụ. Để đạt được mục tiêu này, nền kinh tế cần hội tụ đồng thời nhiều điều kiện: (i) duy trì đà phục hồi của công nghiệp chế biến chế tạo và tận dụng dòng vốn FDI chất lượng cao; (ii) đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và các dự án hạ tầng lớn nhằm kích thích tổng cầu; (iii) củng cố tiêu dùng nội địa và dịch vụ như một trụ đỡ tăng trưởng; đồng thời (iv) kiểm soát ổn định vĩ mô, lạm phát và tỷ giá trong bối cảnh môi trường toàn cầu còn nhiều rủi ro. Tuy nhiên, rủi ro lớn nằm ở sự phụ thuộc vào cầu bên ngoài và chuỗi cung ứng toàn cầu, trong khi kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng chậm và biến động địa chính trị còn kéo dài. Vì vậy, kịch bản hợp lý là tăng trưởng năm 2026 có thể duy trì ở mức cao, nhưng để chạm mốc hai chữ số sẽ phụ thuộc quyết định vào khả năng tăng tốc đầu tư – nâng hiệu quả sản xuất – và cải thiện nội lực nền kinh tế, thay vì chỉ dựa vào chu kỳ phục hồi như các năm trước.

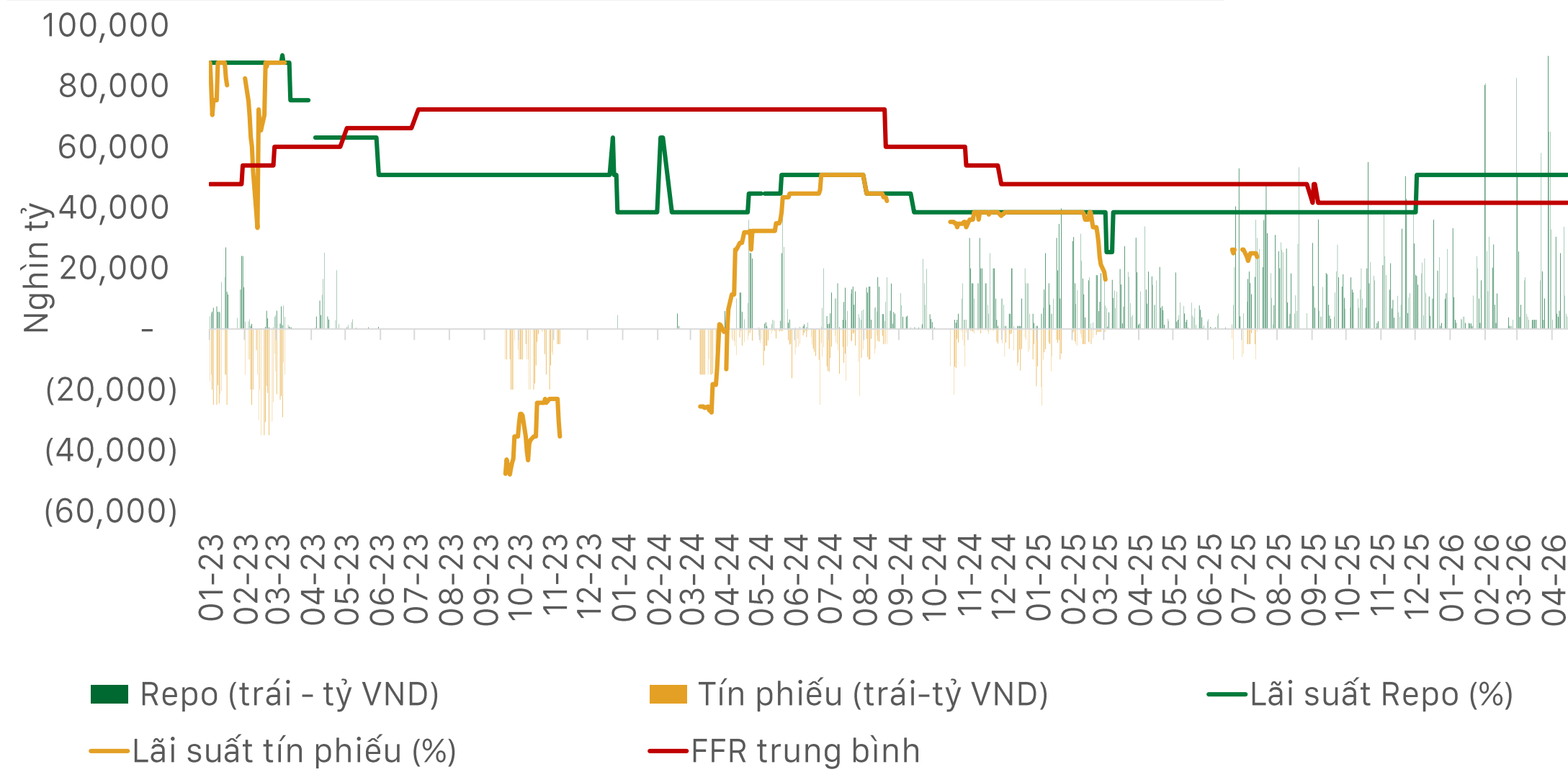
Tăng trưởng GDP tiếp tục ghi nhận mức tích cực hướng tới mục tiêu đề ra



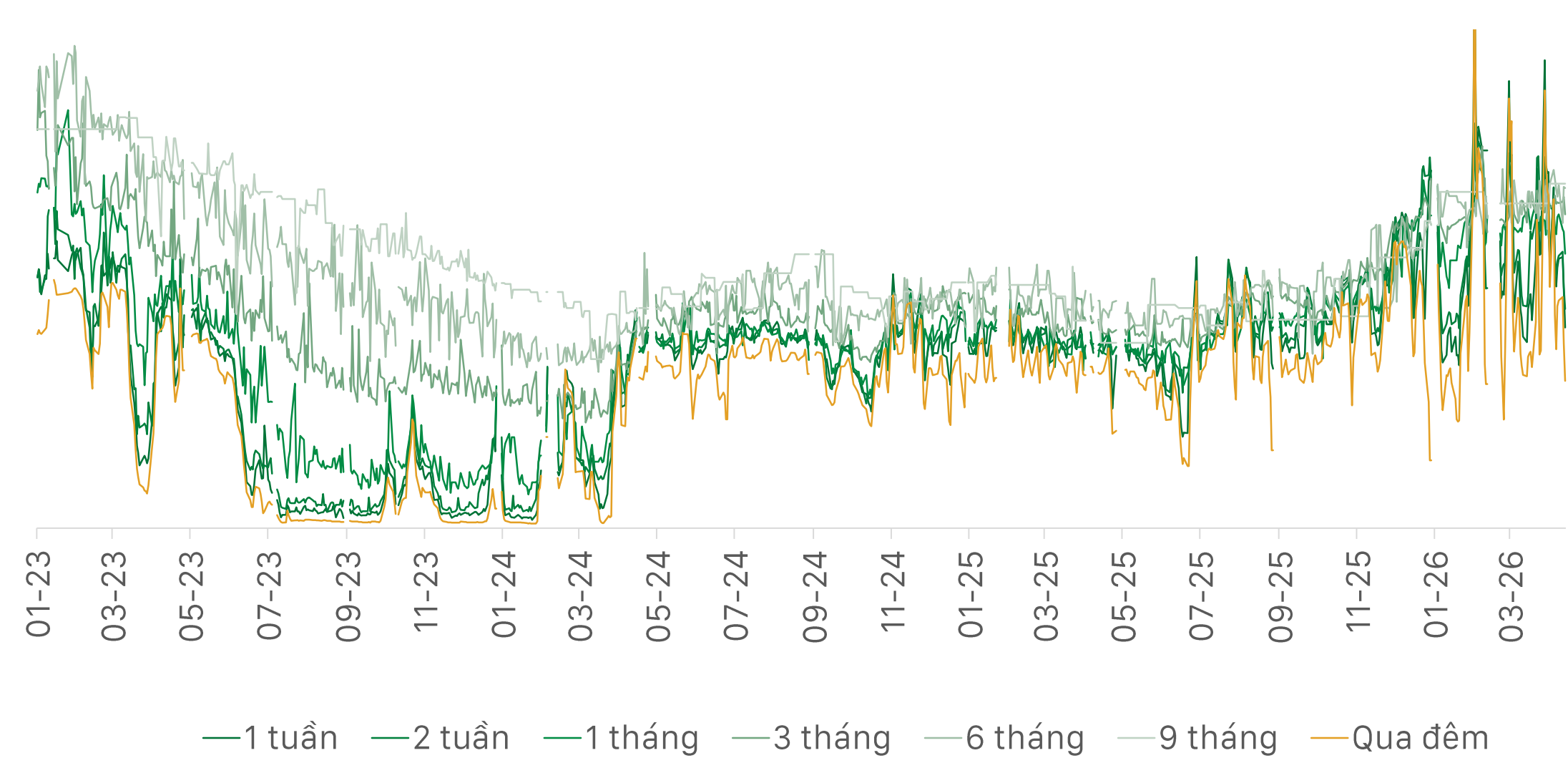
LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH – NHNN TÍCH CỰC KIỂM SOÁT QUA THỊ TRƯỜNG MỞ



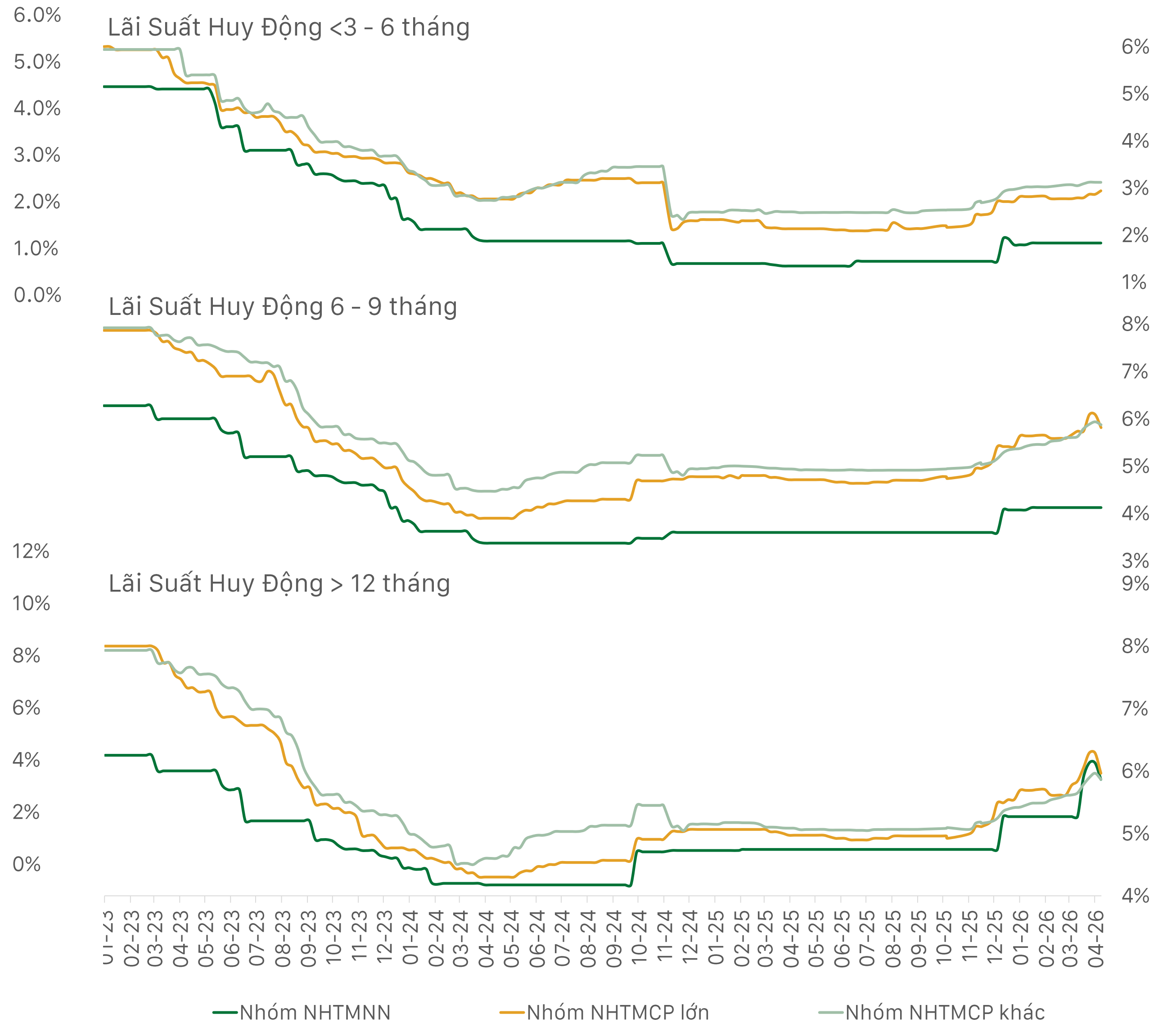
NHNN tiếp tục bơm thanh khoản bằng công cụ REPO



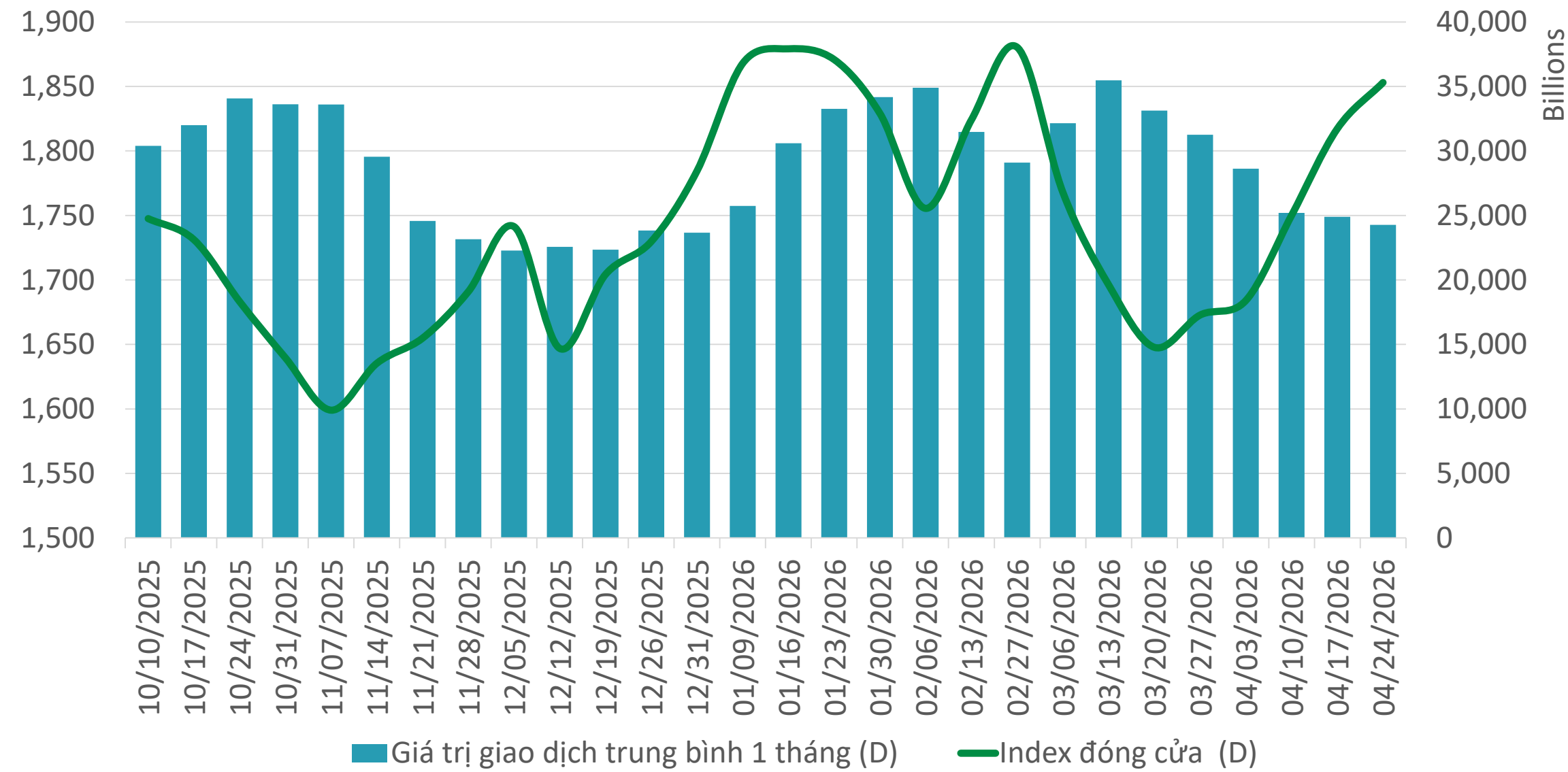
Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh nhưng đã được kiểm soát



Mặt bằng lãi suất huy động có tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp.



VN-Index và thanh khoản



Cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần



- Trong tuần giao dịch 20–24/4, thị trường chứng khoán Việt Nam duy trì trạng thái tích cực nhưng trạng thái xanh vỏ đỏ long tiếp tục tái diễn ở mức độ sâu hơn. Chỉ số VN-Index ghi nhận mức tăng khá tốt, tiệm cận các vùng kháng cự ngắn hạn nhờ lực kéo chủ yếu từ nhóm vốn hóa lớn, đặc biệt là các cổ phiếu liên quan đến hệ sinh thái Vingroup và có thêm sự góp mặt của nhóm ngân hàng nhà nước trong vài phiên. Tuy nhiên, độ rộng thị trường không thực sự tích cực khi số lượng cổ phiếu giảm giá vẫn chiếm ưu thế trong nhiều phiên, cho thấy dòng tiền đang có xu hướng tập trung thay vì lan tỏa.
- Về nhóm ngành, bất động sản tiếp tục là tâm điểm khi thu hút dòng tiền mạnh, dẫn dắt bởi các mã lớn như VIC, VHM và VRE. Sự phân hóa diễn ra mạnh ở nhóm bất động sản khi chỉ có nhóm Vingroup và NVL tăng khá còn lại đều đi ngang hoặc điều chỉnh nhẹ. Các nhóm ngành ngân hàng đi ngang và chỉ có vài cổ phiếu như TCB, VCB tăng khá nhất trong khi các nhóm ngành hóa chất, dầu khí đều suy giảm đáng kể.

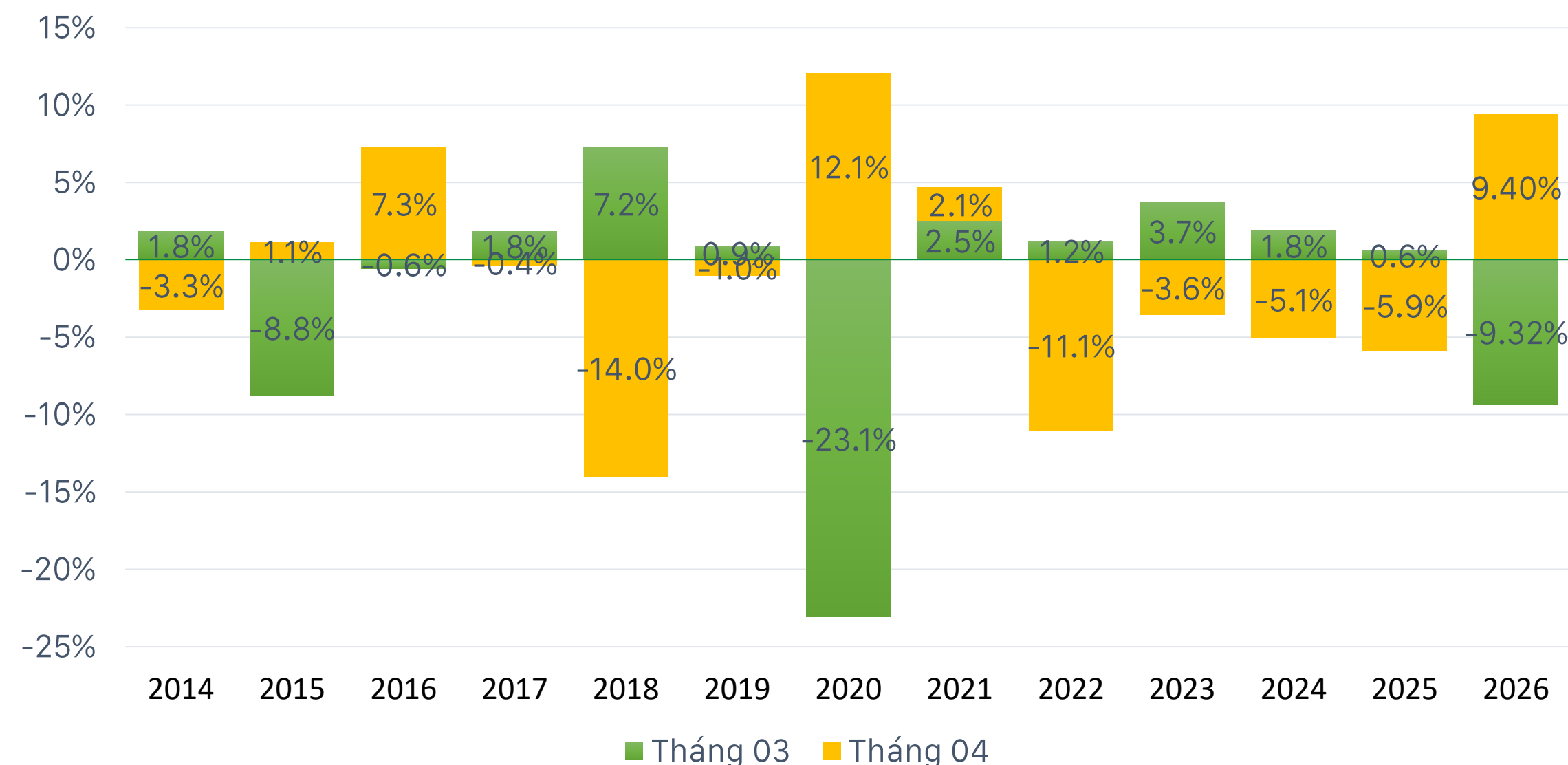
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,853.29	14.87	2.0%	14.8%
Ngân hàng	767.14	9.40	0.8%	6.4%
Dịch vụ tài chính	967.08	13.73	-1.9%	5.0%
Bất động sản	1,385.12	28.40	7.6%	46.8%
Hóa chất	305.99	16.14	-1.9%	8.3%
Tài nguyên Cơ bản	527.80	17.06	-2.7%	5.4%
Ô tô và phụ tùng	381.74	6.76	-1.3%	2.8%
Bán lẻ	1,638.46	17.01	-3.8%	6.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	174.96	10.23	-2.6%	0.0%
Viễn thông	1,230.65	26.62	-1.3%	9.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7,030.15	13.28	-1.2%	-0.8%
Dầu khí	132.22	19.22	-3.8%	-3.0%
Thực phẩm và đồ uống	485.82	17.13	-7.3%	-27.3%
Xây dựng và Vật liệu	359.34	13.15	-0.5%	2.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	278.99	13.95	-2.2%	-1.5%
Y tế	1,057.58	15.81	-2.2%	-2.2%
Công nghệ Thông tin	629.07	13.40	-3.2%	-2.2%
Truyền thông	603.72	50.63	-0.5%	-0.4%
Bảo hiểm	431.74	14.86	-1.0%	-6.2%
Du lịch và Giải trí	44.29	26.14	-0.3%	8.8%

- Bức tranh các ngành so với Vnindex trong tuần qua cho thấy sự phân hóa rất rõ rệt, khi chỉ có một số ngành dẫn dắt tăng mạnh, trong khi phần lớn nhiều nhóm ngành khác vẫn đi ngang hoặc giảm nhẹ.
- Nhóm bất động sản là điểm sáng nổi bật nhất của thị trường trong tuần qua. Chỉ số ngành tăng tới 7.6%, vượt xa mức tăng của VN-Index và trở thành động lực chính kéo chỉ số Vnindex. Đà tăng này phần lớn đến từ các cổ phiếu nhóm VIC, VHM và có thêm NVL. Tuy nhiên ở các nhóm bất động sản còn lại như NLG, DIG, DXG, KDH, HDG lại kém tích cực hơn hẳn.
- Nhóm ngân hàng là nhóm ngành lớn duy nhất giữ vị thế đi ngang một phần nhờ một vài phiên tăng mạnh ở nhóm ngân hàng nhà nước. Sau phiên này, hầu hết cổ phiếu đều trầm lắng. Điểm sáng cuối tuần xuất hiện ở TCB khi xuất hiện thông tin chia cổ tức lớn.
- Ở chiều ngược lại, một số nhóm ngành lớn lại diễn biến kém hơn thị trường như nhóm chứng khoán giảm gần 2%. Tương tự, nhóm bán lẻ và dầu khí cũng ghi nhận mức giảm gần 4%, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư đối với các nhóm cổ phiếu có tính chu kỳ cao.
- Đáng chú ý nhất trong nhóm giảm là thực phẩm và đồ uống, khi chỉ số ngành giảm tới 7.4% trong tuần và gần 30% trong một tháng. Đây là tín hiệu cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn còn khá lớn ở các cổ phiếu tiêu dùng lớn sau giai đoạn tăng mạnh trước đó. Ngoài ra, các ngành như công nghệ thông tin, hàng & dịch vụ công nghiệp, hay bảo hiểm cũng giảm từ 2–3%, phản ánh sự dịch chuyển dòng tiền sang các nhóm có câu chuyện tăng trưởng ngắn hạn rõ ràng hơn.

PE thị trường hiện quanh 14 thấp hơn giai đoạn 2022

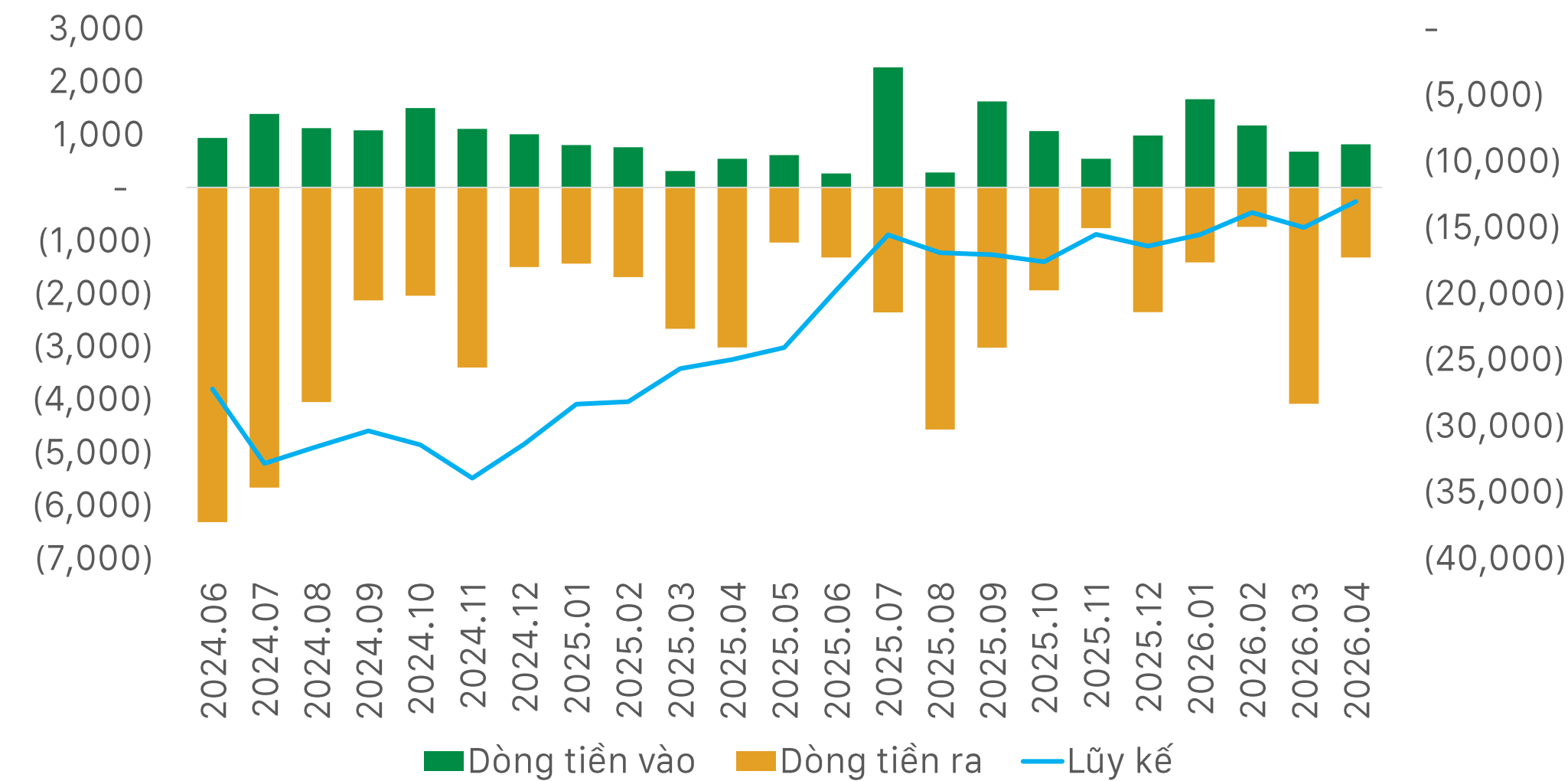


Diễn biến Vnindex qua các tháng 03,04 từ 2014

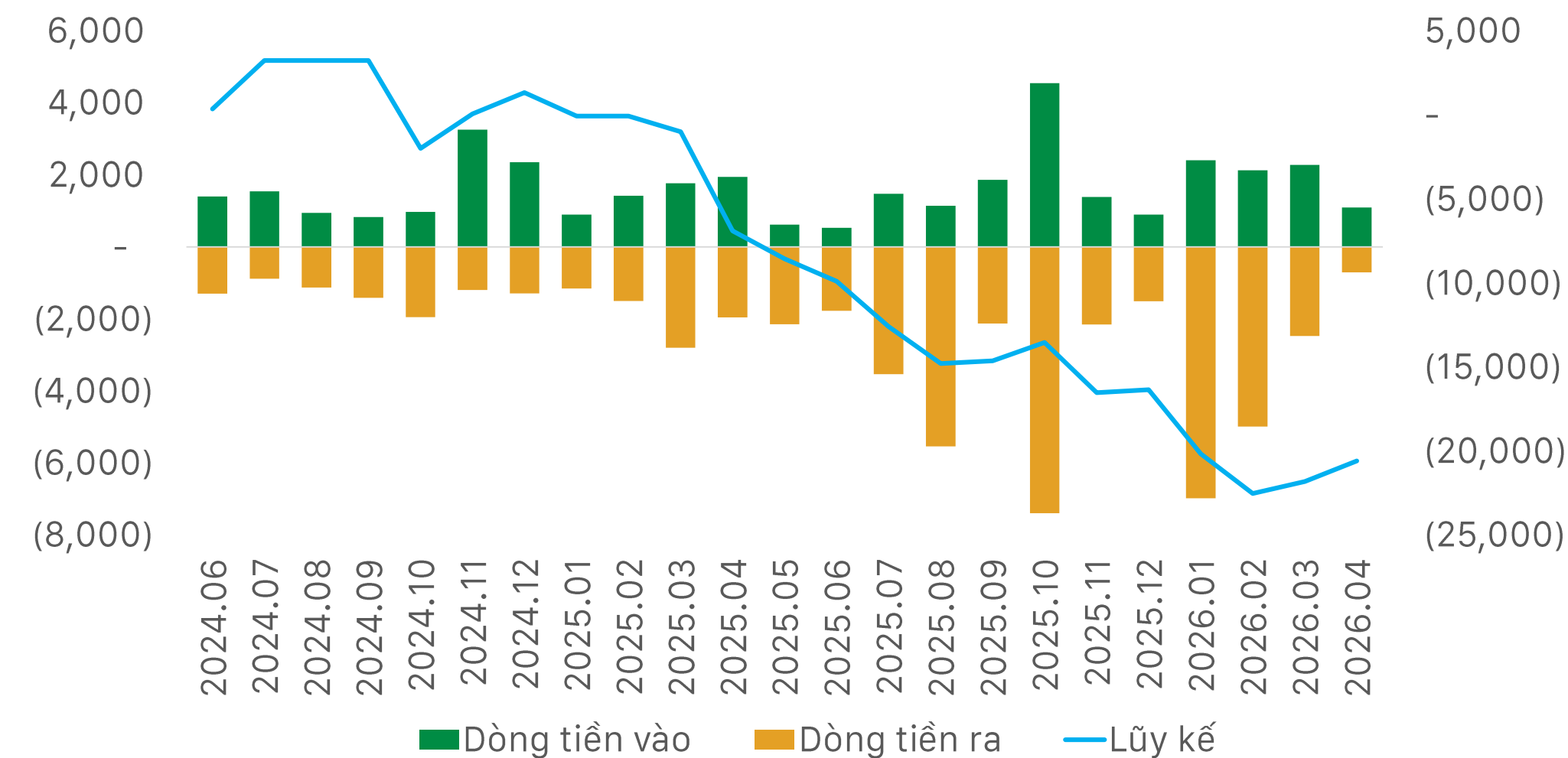


- Thị trường trong tháng 4 có sự biến động rất lớn vì vậy chỉ số PE thị trường cũng dao động mạnh và chạm mốc 14 sau đợt phục hồi trong tháng vừa qua. Mức P/E hiện tại tương đương giai đoạn tháng 3–5/2025, qua đó có thể xem là vùng định giá tương đối hấp dẫn trong trung hạn. Đáng chú ý, một số nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm ngân hàng, đang giao dịch ở mức P/E dưới 10 lần, trong đó có nhiều cổ phiếu bluechip đầu ngành.
- Tính đến thời điểm hiện tại, VN-Index đã tăng hơn 9% trong tháng 4, lấy lại hết những gì đã mất trong tháng 3. Trong 4 năm gần nhất thị trường thường điều chỉnh giảm đến -5% trong tháng 4. Tuy nhiên năm nay Vnindex điều chỉnh sớm hơn từ tháng 3 vì vậy tháng 4 lại là cơ hội để thị trường hồi phục. Tuy nhiên dù chỉ số index tăng khá nhưng cổ phiếu chung trên thị trường không mấy khả quan. Kết quả kinh doanh Q1 có thể định hình lại dòng tiền vào các nhóm cổ phiếu từ tháng 5 trở đi.

Dòng tiền của quỹ ETF vào VN (tỷ VND)



Dòng tiền các quỹ khác (tỷ VND)



Dòng vốn quỹ toàn cầu: tín hiệu cải thiện

- Báo cáo dòng vốn tuần qua cho thấy tâm lý nhà đầu tư toàn cầu đã cải thiện đáng kể khi kỳ vọng xung đột giữa Mỹ và Iran có thể hạ nhiệt, qua đó giảm bớt rủi ro về giá năng lượng. Sự thay đổi này giúp khẩu vị rủi ro tăng lên, thể hiện qua việc dòng tiền quay lại các tài sản rủi ro như cổ phiếu và trái phiếu lợi suất cao. Tổng dòng tiền vào các quỹ đạt hơn 120 tỷ USD – mức cao nhất trong 9 tuần – trong đó quỹ thị trường tiền tệ và quỹ cổ phiếu chiếm phần lớn. Đồng thời, dòng tiền vào quỹ trái phiếu tiếp tục chuỗi tăng kéo dài gần một năm, cho thấy nhà đầu tư vẫn duy trì sự cân bằng giữa tìm kiếm lợi suất và phòng thủ.
- **Thị trường phát triển** Các quỹ cổ phiếu tại thị trường phát triển ghi nhận dòng tiền vào mạnh, đánh dấu một trong những tuần hút vốn lớn nhất từ đầu năm. Dòng tiền chủ yếu tập trung vào các quỹ cổ phiếu toàn cầu và các quỹ đầu tư vào Mỹ. Các quỹ cổ phiếu Mỹ thu hút hơn 22 tỷ USD, gần gấp đôi tuần trước, nhờ kỳ vọng tăng trưởng kinh tế ổn định và mùa báo cáo lợi nhuận doanh nghiệp khởi sắc. Đáng chú ý, các quỹ cổ phiếu vốn hóa lớn tại Mỹ tiếp tục hút vốn mạnh, trong khi các quỹ tăng trưởng lại bị rút tiền nhẹ, phản ánh sự dịch chuyển sang các cổ phiếu có nền tảng cơ bản ổn định hơn.
- **Tại châu Âu**, dòng tiền cũng quay trở lại các quỹ cổ phiếu khu vực sau giai đoạn rút vốn trước đó. Dòng tiền vào các quỹ tại Đức và Thụy Sĩ đủ bù đắp cho lượng rút vốn tại Anh và Hà Lan, đưa tổng thể dòng vốn vào cổ phiếu châu Âu trở lại trạng thái dương. Trong khi đó, các quỹ cổ phiếu khu vực châu Á – Thái Bình Dương lại ghi nhận tuần thứ hai liên tiếp bị rút vốn, chủ yếu do dòng tiền rút khỏi Nhật Bản. Nhà đầu tư đang thận trọng hơn với thị trường Nhật khi áp lực lạm phát tăng và khả năng Ngân hàng Trung ương Nhật Bản tiếp tục nâng lãi suất.

Top CP các quỹ VN nắm giữ

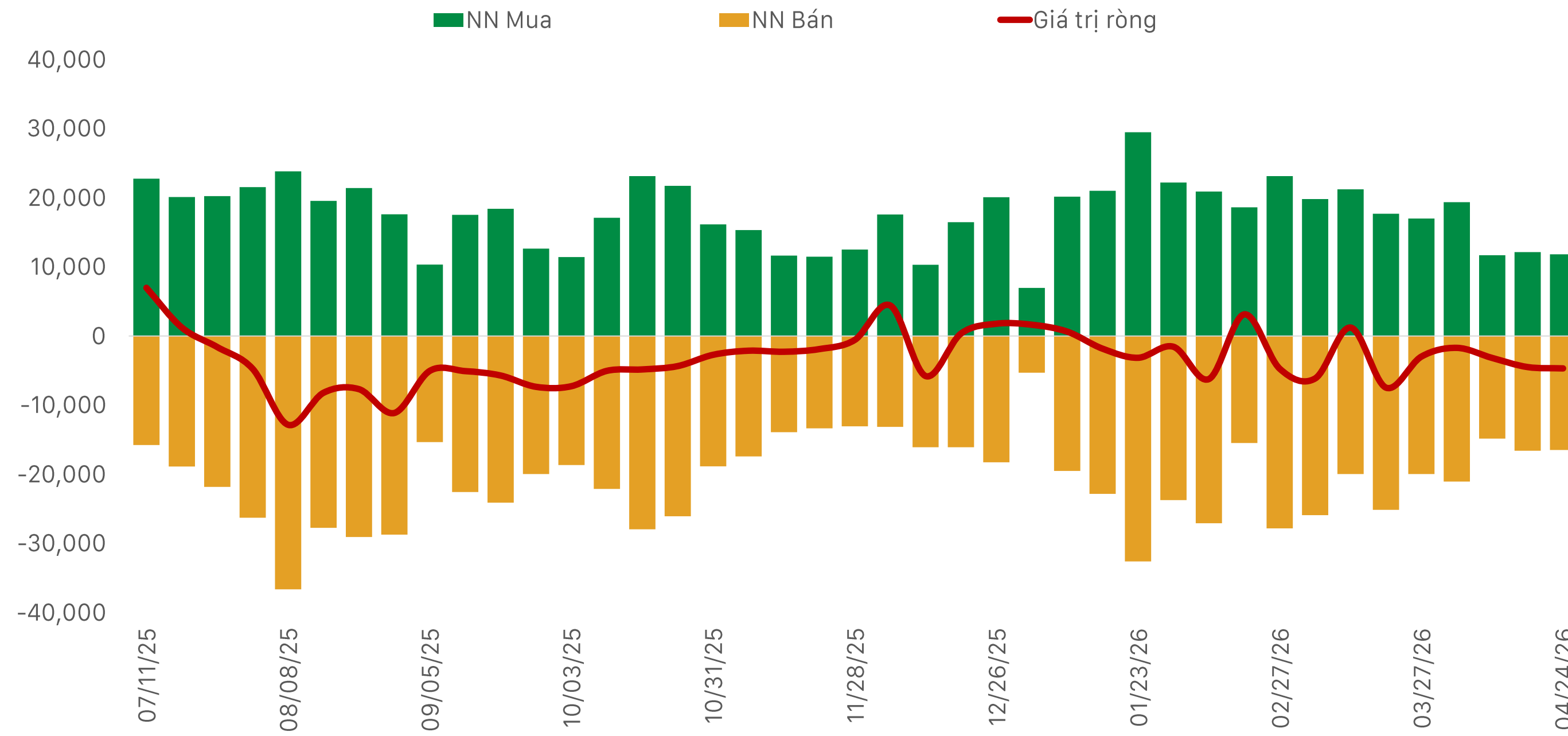
CP	2026.03	Đầu năm	Tăng giảm	Giá trị (tỷ VND)
MWG	150,545,334	198,474,380	-24.1%	12,314.61
HPG	377,500,314	439,043,737	-14.0%	10,154.76
MBB	248,610,162	387,534,565	-35.8%	6,575.74
STB	97,247,768	132,540,419	-26.6%	6,048.81
VIC	43,475,148	93,120,972	-53.3%	5,869.15
TCB	177,980,084	204,456,444	-12.9%	5,463.99
FPT	72,739,278	138,867,130	-47.6%	5,433.62
VHM	52,216,080	105,576,564	-50.5%	5,378.26
VCB	83,642,863	76,233,760	9.7%	4,859.65
CTG	139,603,012	249,015,752	-43.9%	4,830.26
BID	117,051,772	80,861,739	44.8%	4,611.84
VPB	171,257,770	237,648,694	-27.9%	4,572.58
PNJ	29,876,752	35,406,534	-15.6%	3,226.69
ACB	129,591,426	214,690,048	-39.6%	3,051.88
MSN	38,597,397	62,128,165	-37.9%	2,914.10
SSI	83,173,449	98,956,128	-15.9%	2,241.52
TCX	43,665,918	42,597,433	2.5%	2,235.70
GMD	27,254,437	28,001,851	-2.7%	2,166.73
HDB	84,337,448	121,994,132	-30.9%	2,146.39
VCI	71,157,882	49,125,721	44.8%	1,899.92
VNM	29,913,859	37,523,298	-20.3%	1,809.79

- Thị trường mới nổi và cận biên:** Các quỹ cổ phiếu thị trường mới nổi ghi nhận dòng tiền vào cao nhất trong 5 tuần, với tất cả các khu vực lớn như châu Á (ngoài Nhật), Mỹ Latin và EMEA đều có dòng vốn tích cực. Tại châu Á, Hàn Quốc tiếp tục là điểm đến nổi bật khi các quỹ cổ phiếu nước này thu hút thêm hàng tỷ USD, phản ánh kỳ vọng về triển vọng ngành công nghệ và xuất khẩu. Ngược lại, Trung Quốc vẫn chịu áp lực rút vốn khi các quỹ đầu tư vào cổ phiếu đại lục và trái phiếu Trung Quốc bị rút tiền mạnh từ đầu năm.
- Một xu hướng đáng chú ý là dòng tiền tiếp tục chảy mạnh vào các quỹ thị trường mới nổi “không bao gồm Trung Quốc”, phản ánh chiến lược đa dạng hóa của nhà đầu tư toàn cầu. Tại khu vực EMEA và các thị trường cận biên, một số quốc gia như Nam Phi, Morocco hay Slovakia vẫn thu hút dòng vốn ổn định,
- Dòng tiền theo ngành và loại tài sản**
- Ở góc độ ngành, các quỹ phòng thủ vẫn thu hút dòng tiền tốt hơn so với nhóm chu kỳ. Trong số các ngành phòng thủ, phần lớn ghi nhận dòng tiền vào, phản ánh tâm lý thận trọng vẫn còn hiện hữu dù khẩu vị rủi ro đã cải thiện. Riêng ngành y tế và công nghệ sinh học tiếp tục bị rút vốn do lo ngại chính sách giá thuốc và triển vọng lợi nhuận chưa thực sự nổi bật.
- Trong nhóm ngành chu kỳ, năng lượng là điểm đáng chú ý khi chuỗi dòng tiền vào kéo dài nhiều tháng đã chấm dứt sau khi giá dầu giảm dưới 100 USD/thùng nhờ kỳ vọng ngừng bắn tại Trung Đông. Ngược lại, các quỹ đầu tư vào chuyển dịch năng lượng sạch tiếp tục thu hút vốn. Ngành công nghệ cũng ghi nhận dòng tiền vào nhẹ khi tâm lý lo ngại về thương mại hóa trí tuệ nhân tạo giảm bớt.
- Đối với các loại tài sản khác, vàng và kim loại quý tiếp tục thu hút dòng tiền mới khi nhà đầu tư gia tăng vị thế phòng thủ. Trong khi đó, thị trường trái phiếu tiếp tục chứng kiến dòng tiền ổn định, đặc biệt là trái phiếu lợi suất cao và trái phiếu doanh nghiệp Mỹ – phản ánh kỳ vọng môi trường lãi suất dần ổn định.

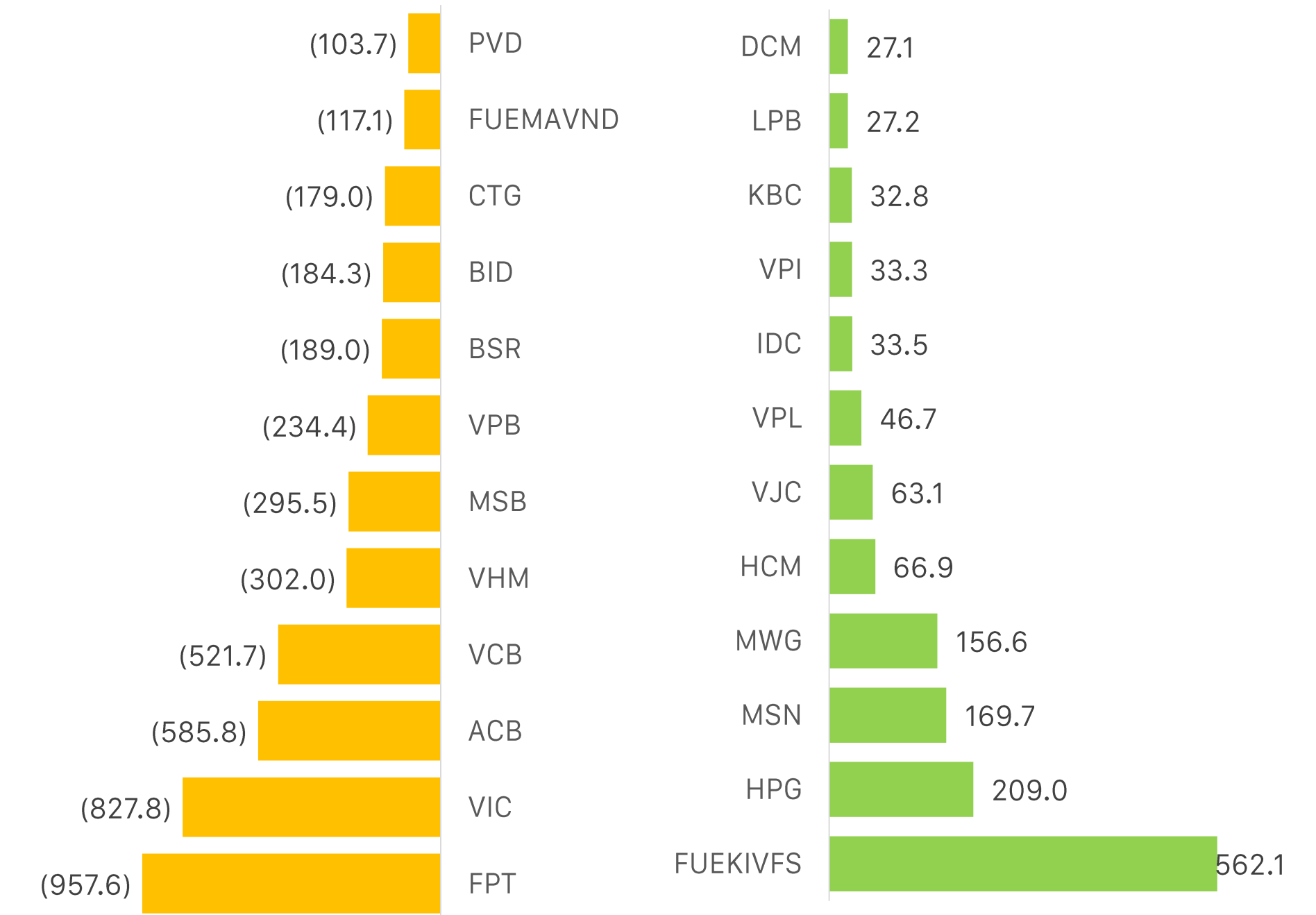
KHOẢNG GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

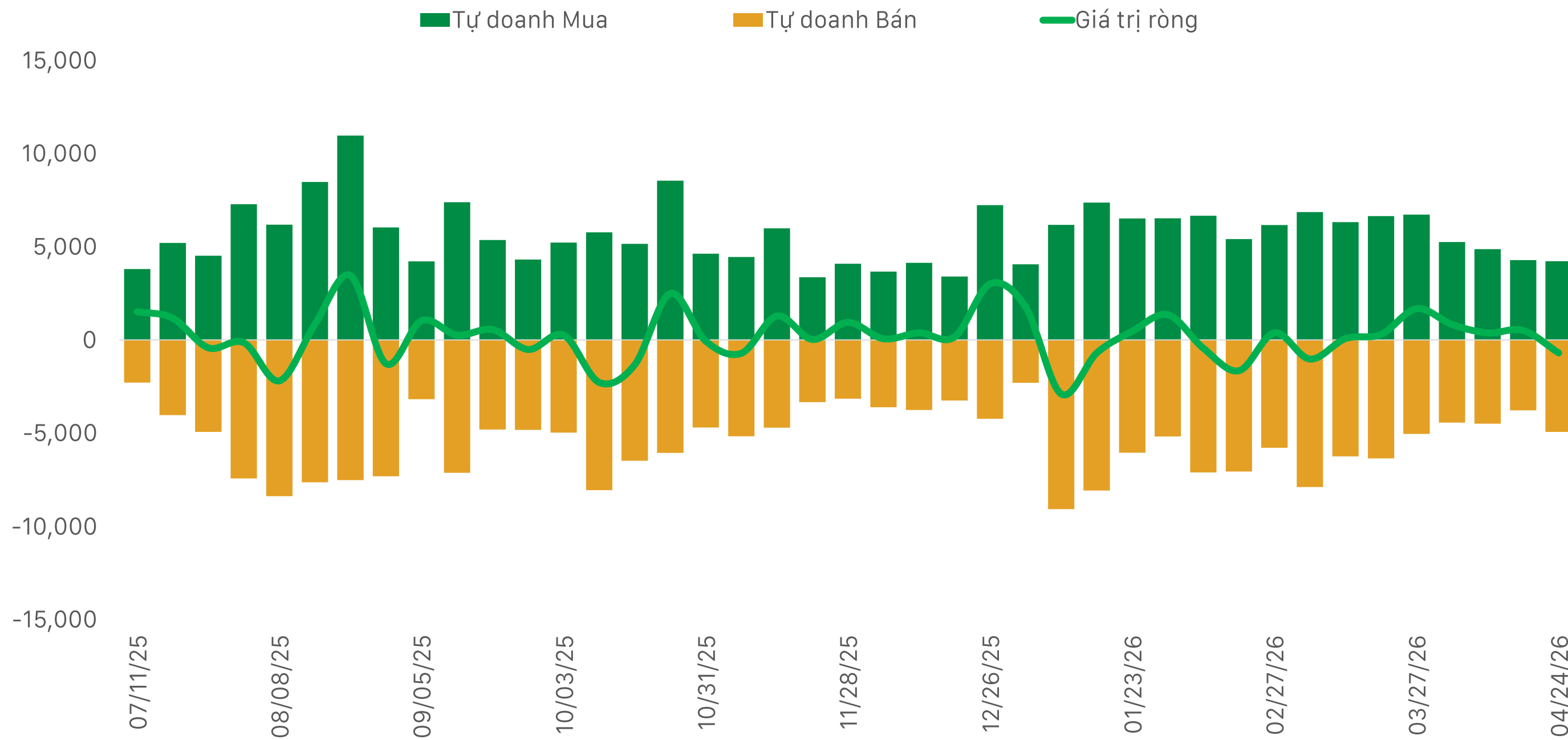


- Trong tuần qua khối ngoại mua vào gần 12 ngàn tỷ đồng, giảm nhẹ so với tuần trước và bán ra gần 16600 tỷ đồng. Tính chung cả tuần khối ngoại bán ròng khoảng 4700 tỷ đồng. Giá trị bán ròng tuần này gần bằng tuần trước và đã bán ròng hơn 44 ngàn tỷ đồng kể từ đầu năm.
- Đứng đầu nhóm cổ phiếu bán ròng trong tuần là FPT với gần 1000 tỷ đồng. Như vậy FPT có 2 tuần liên tiếp bán ròng hơn 2200 tỷ đồng. Tiếp sau là VIC bán ròng khoảng 800 tỷ đồng. VHM cũng bán ròng khoảng 521 tỷ. Một số ngân hàng bán ròng nhiều có ACB, VCB, MSB, VPB, BID, CTG.
- Phía mua ròng nổi bật có HPG mua ròng hơn 209 tỷ. Một số blue chip được mua ròng nhiều đáng chú ý có MSN, MWG, HCM, VJC, VPL.

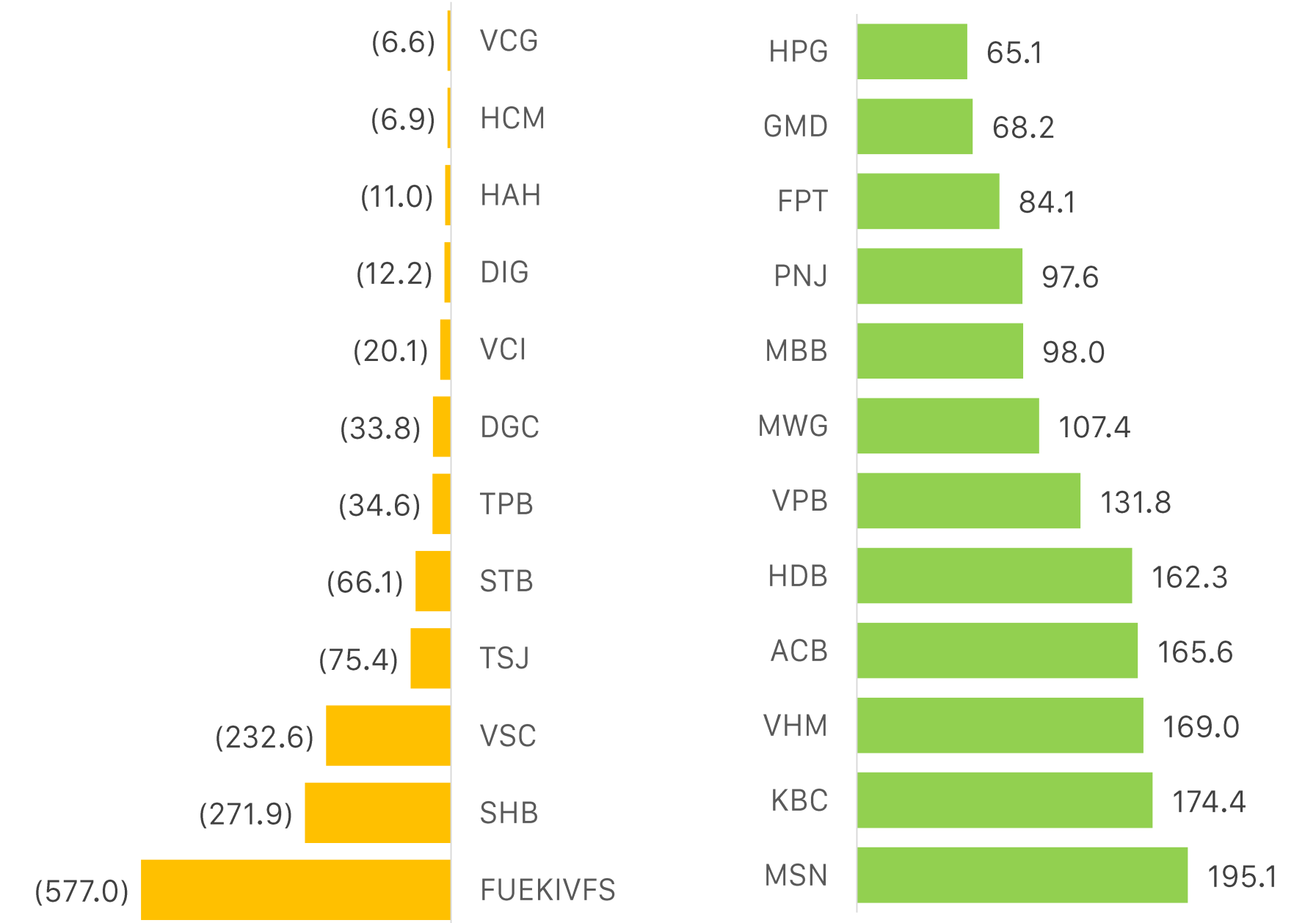
TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



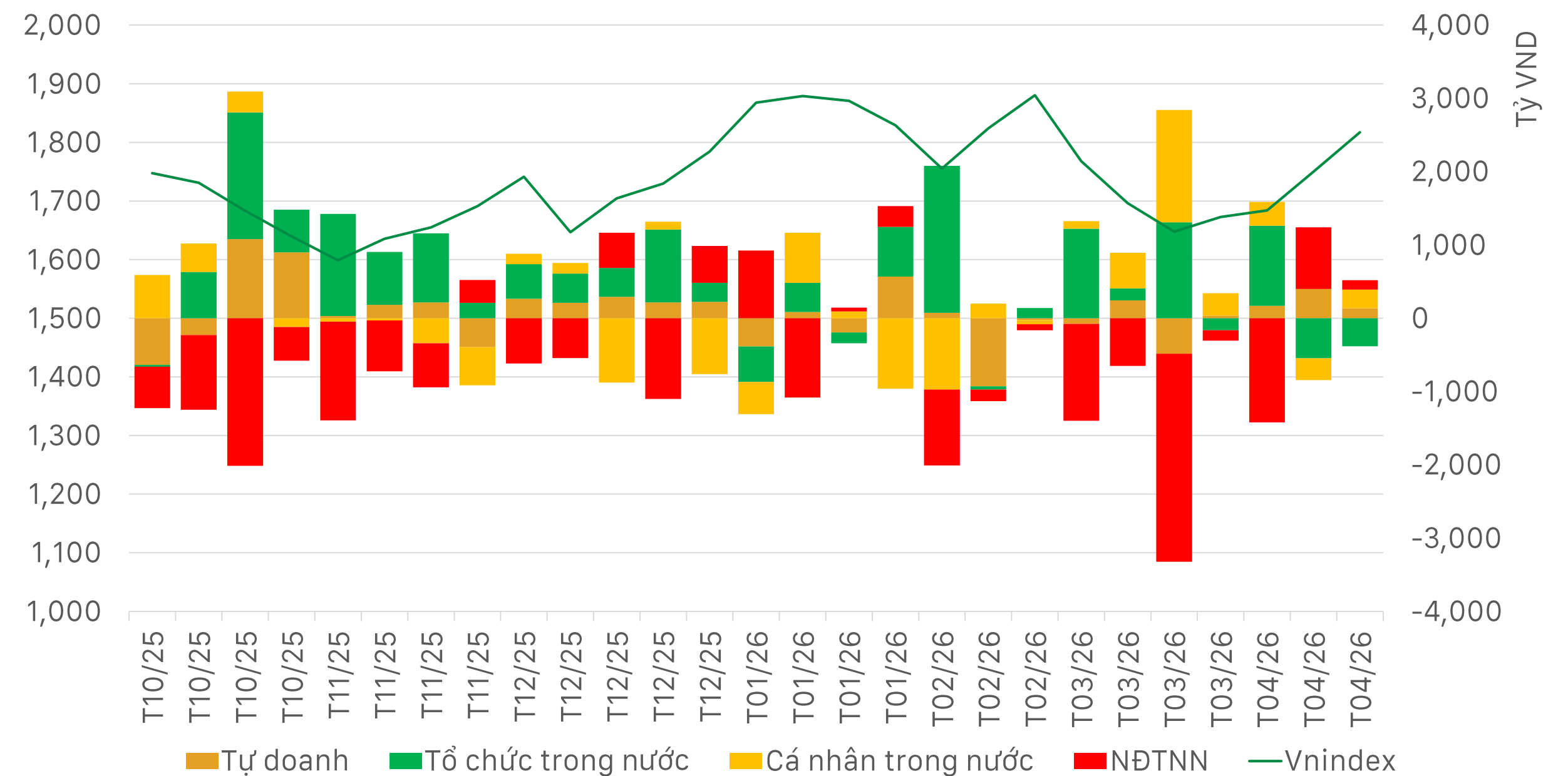
- Khối tự doanh trong tuần qua mua vào khoảng 4200 tỷ và bán ra 4900 tỷ. Tổng giá trị bán ròng trong tuần khoảng 700 tỷ đồng. Đây là tuần bán ròng đầu tiên sau 6 tuần liên tiếp mua ròng hơn 3800 tỷ đồng.
- Đứng đầu về phía bán ròng là SHB, VSC, TSJ. Nhóm ngân hàng bán ròng nhiều có STB, TPB. Nhóm chứng khoán có một số cổ phiếu bán ròng nhiều VCI, HCM.
- Phía mua ròng có MSN, KBC, VHM. Nhóm ngân hàng có ACB, HDB, VPB và MBB được mua ròng nhiều nhất. Một số cổ phiếu cũng đang mua ròng dần như FPT, HPG, PNJ.

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	27.8%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Dịch vụ tài chính	20.3%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Bất động sản	10.0%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Hóa chất	4.0%	DPM, DCM, GVR	
Tài nguyên Cơ bản	4.6%	HPG, HSG, NKG	
Ô tô và phụ tùng	7.1%	HHS, HUT	
Bán lẻ	6.0%	MWG, DGW, PET	
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.1%	TCM, TNG, PNJ	
Viễn thông	3.5%	VGI, FOX, VGI	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.8%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	1.8%	PVD, PVS	
Thực phẩm và đồ uống	3.5%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	0.5%	CII, HHV, VCG	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.9%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Y tế	2.2%	DCL, DBD	
Công nghệ Thông tin	0.3%	FPT, CMG, CTR	
Truyền thông	0.1%	YEG	
Bảo hiểm	0.2%	BVH	
Du lịch và Giải trí	0.3%	HVN	

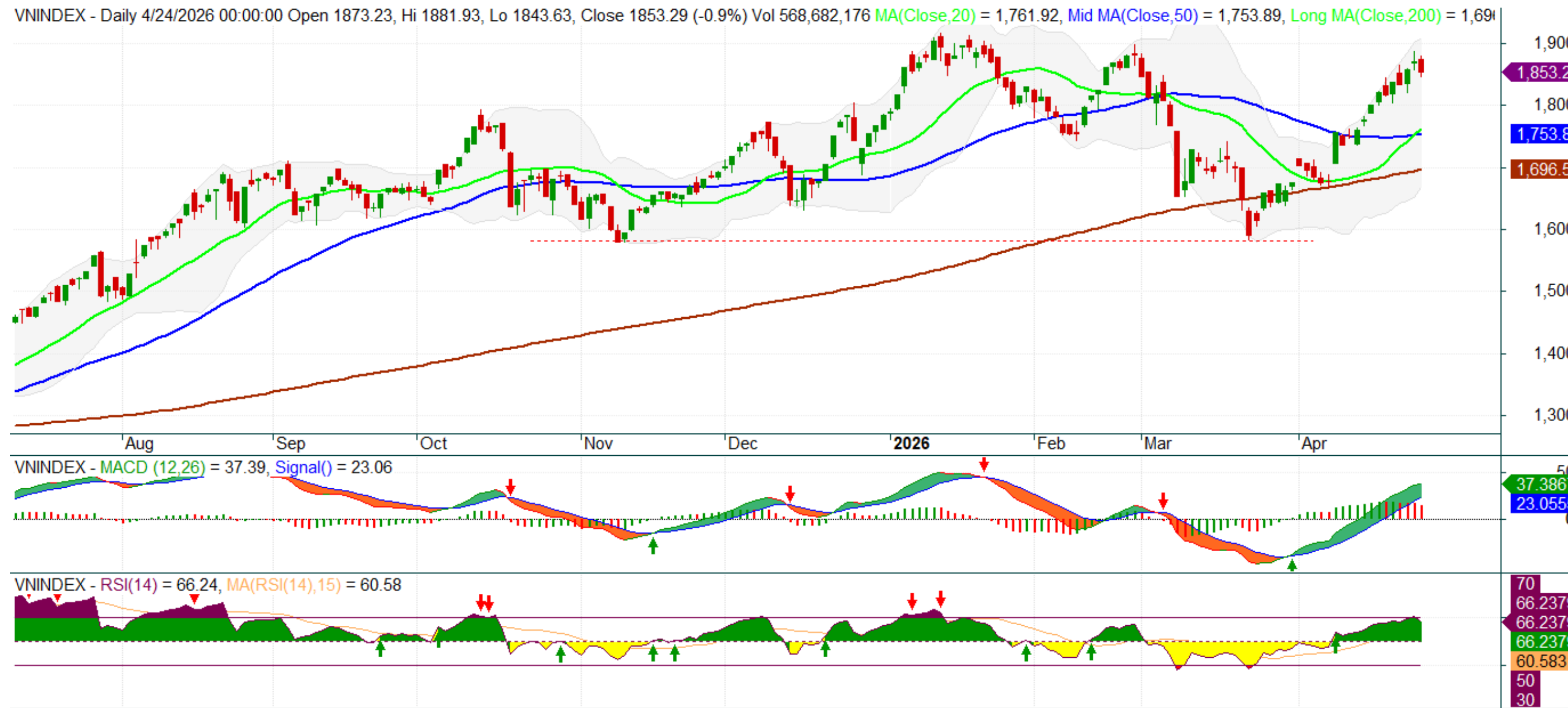
- Dòng tiền giao dịch nhóm ngân hàng vẫn dẫn đầu đặt biệt ở những phiên biến động mạnh của nhóm ngân hàng nhà nước. Nhóm chứng khoán giao dịch cũng chiếm 20% dòng tiền chủ yếu ở nhóm cổ phiếu SSI, VND, VIX ...
- Thanh khoản thị trường có phần giảm nhẹ so với tuần trước dù chỉ số Vnindex tăng mạnh. Một phần do mức tăng giữa các ngành không đồng đều vì vậy dòng tiền chỉ tập trung ở một số nhóm cổ phiếu

Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư

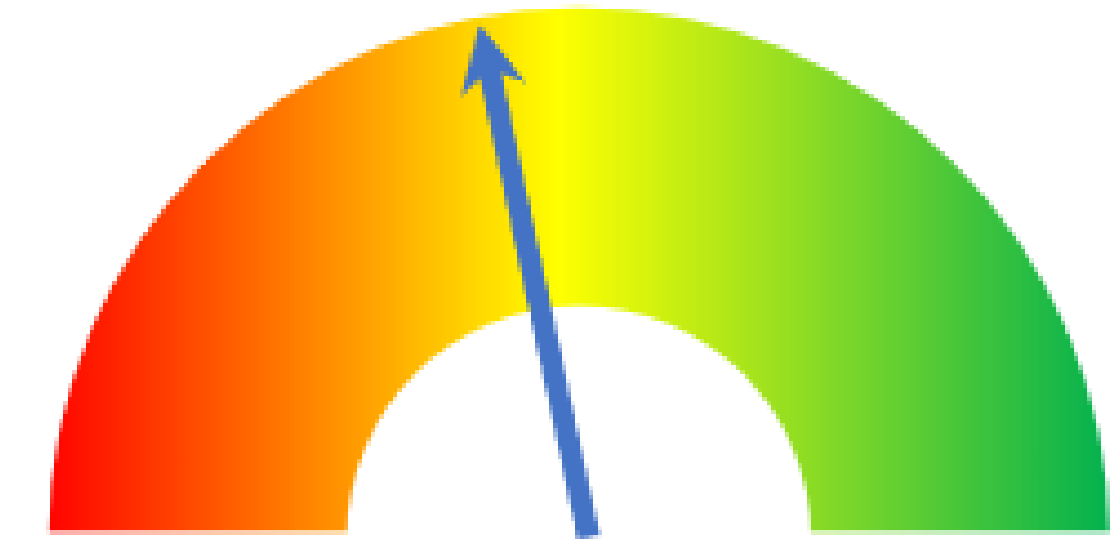


CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT





Mức độ hưng phấn thị trường



RSI	66.24
MACD	37.39
MFI	82.89
MA20	1761
MA50	1753
MA200	1696

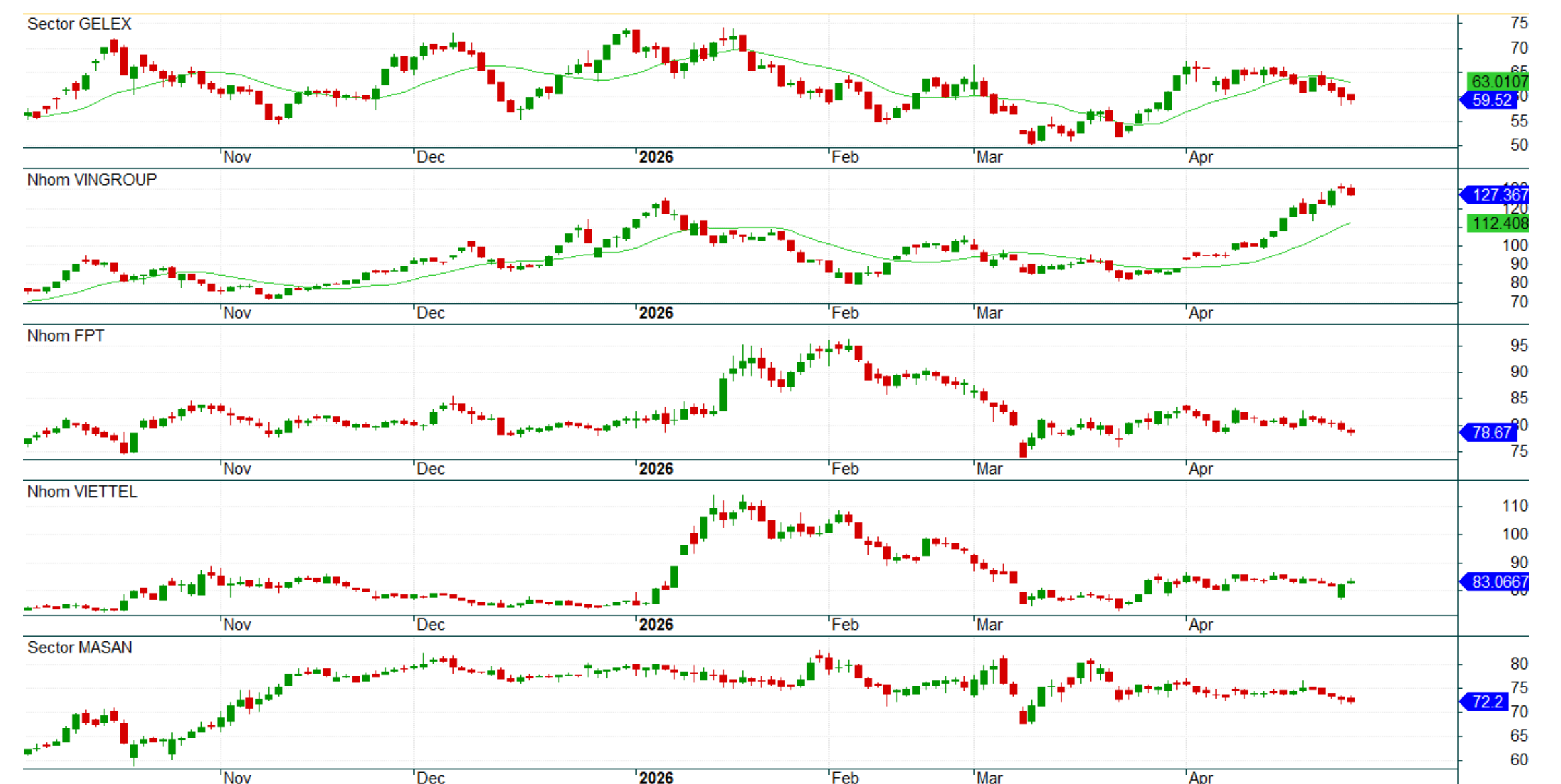
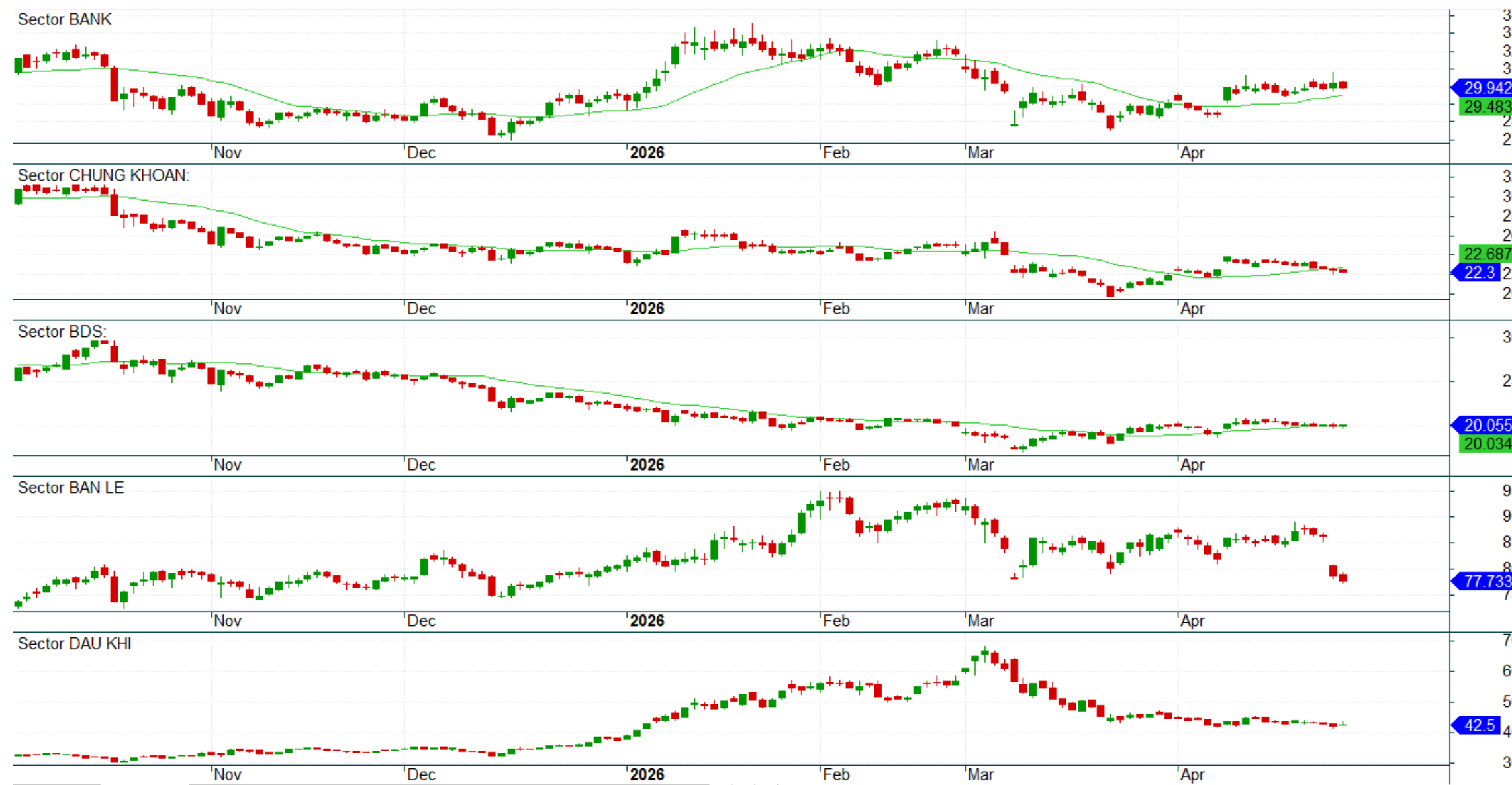
- Với tuần giao dịch này chỉ kéo dài hai phiên, thị trường có thể không dao động quá mạnh và thanh khoản cũng ở mức thấp. Tuy nhiên cũng cần cẩn thận với những biến động ở những nhóm cổ phiếu lớn có thể tác động đến chỉ số chung. Những nhịp tăng mạnh đầu phiên dễ tạo cảm giác hưng phấn, nhưng cũng có thể nhanh chóng đảo chiều khi lực bán chốt lời xuất hiện. Vì vậy, chiến lược hợp lý trong giai đoạn này là hạn chế mua đuổi giá cao, ưu tiên nắm giữ những cổ phiếu thuộc nhóm ngành dẫn dắt, đồng thời duy trì tỷ trọng tiền mặt cao hơn để phòng ngừa rủi ro trong kỳ nghỉ lễ kéo dài.
- Triển vọng thị trường trong tuần tới không quá bi quan nhưng sẽ đi kèm sự phân hóa rõ rệt. Bất động sản, ngân hàng và chứng khoán là ba nhóm ngành trọng tâm cần theo dõi. Trong một tuần giao dịch ngắn, sự thận trọng, kỷ luật trong quản trị vốn và lựa chọn đúng nhóm cổ phiếu mạnh sẽ là yếu tố quan trọng giúp nhà đầu tư tận dụng tốt cơ hội đồng thời hạn chế rủi ro không cần thiết.

XU HƯỚNG GIÁ CÁC NHÓM CỔ PHIẾU – NGÀNH DẪN ĐẦU



- **Nhóm ngân hàng** Cổ phiếu vẫn đang ở trạng thái tích lũy nền: Nhóm CP tốt ưu tiên MBB, TCB, ACB, BID, VPB
- **Nhóm chứng khoán** đang điều chỉnh, khả năng mức suy giảm có thể gia tăng trong ngắn hạn.
- **Nhóm BĐS** đang suy giảm ngoại trừ một số cổ phiếu dẫn đầu như VHM, NVL. Nhà đầu tư vẫn cần cân trọng với nhóm cổ phiếu BĐS.
- **Nhóm bán lẻ** Đang điều chỉnh. Ưu tiên theo dõi MWG (80), DGW (43)
- **Nhóm dầu khí** đang trong suy giảm và tích lũy ở nền thấp sau giai đoạn tăng tốc. Chờ tín hiệu hồi phục.

- **Nhóm Gelex** Đang suy giảm và gây ảnh hưởng mạnh ở nhóm GEX, VIX. Chờ tín hiệu hồi phục.
- **Nhóm VINGROUP** đang tăng mạnh mẽ. VIC và VHM tăng mạnh nhất. Tuy nhiên cần lưu ý hai cổ phiếu đang có dấu hiệu tạo đỉnh ngắn hạn
- **Nhóm FPT** đang tiếp tục suy giảm và có thể tạo đáy sâu hơn ở FPT.
- **Nhóm Viettel** tích lũy đi ngang và chờ dòng tiền. VGI giữ giá tốt nhưng tăng chậm. VTP đang điều chỉnh ngắn hạn
- **Nhóm MASAN** đang tích lũy giá. MSN có hỗ trợ mạnh quanh 75.



Thị trường chỉ có 2 phiên giao dịch trong tuần này vì vậy nhà đầu tư có thể tận dụng chốt dần các vị thế và đưa tài khoản về trạng thái an toàn. Các vị thế mua mới nên chờ ở các nhịp giảm sâu.

Cổ phiếu quan tâm: VIC, VHM, HAG, MWG, BID, MBB, TCB, SSI, NVL

Danh mục cổ phiếu quan tâm trung hạn:

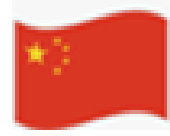








Ngân hàng: MBB, TCB

Bán lẻ, thực phẩm: MWG, HAG

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	HAG	20,000	30%	1,700	9.4	<ul style="list-style-type: none"> Năm 2025, HAGL ghi nhận doanh thu 7.440 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 2.243 tỷ đồng – mức cao nhất kể từ khi doanh nghiệp hoạt động. Kết quả này cũng giúp công ty xóa lỗ lũy kế và đưa tổng tài sản vượt mốc 1 tỷ USD. Vừa qua Hoàng Anh Gia Lai đã tổ chức hội thảo với chủ đề "HAGL và chiến lược phát triển bền vững 20.000ha cà phê đến năm 2028". Theo kế hoạch, doanh nghiệp đặt mục tiêu phát triển vùng trồng cà phê quy mô khoảng 20.000ha, từ đó xây dựng chuỗi giá trị khép kín bao gồm sản xuất nguyên liệu, chế biến sâu và tận dụng phụ phẩm. Tổng doanh thu tiềm năng ước đạt khoảng 713 triệu USD mỗi năm, tương đương gần 18.600 tỷ đồng. Nếu triển khai toàn diện, HAGL có thể trở thành một trong những doanh nghiệp sở hữu vùng trồng cà phê trực tiếp lớn nhất thế giới.
2	MWG	110,000	25%	4,800	18.5	<ul style="list-style-type: none"> MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
3	MBB	33,000	25%	3,320	8.2	<ul style="list-style-type: none"> Ngân hàng TMCP Quân đội (Mã: MBB) đạt lợi nhuận trước thuế đạt 34.268 tỷ đồng, tăng gần 19% so với cùng kỳ và hoàn thành 108% kế hoạch năm. Riêng quý IV, lợi nhuận tăng mạnh 37,5%, đạt 11.129 tỷ đồng. Thu nhập lãi thuần tiếp tục đóng vai trò trụ cột khi tăng 30,6%, đạt 14.555 tỷ đồng. Mảng dịch vụ cũng tăng trưởng ấn tượng, mang về 2.101 tỷ đồng lãi thuần, tăng 78% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, lãi thuần từ hoạt động khác tăng 31%, đạt 1.574 tỷ đồng, trong khi thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần ghi nhận mức tăng đột biến 502%, đóng góp 135 tỷ đồng.

LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 <p>Trung Quốc: PBOC quyết định lãi suất (dự kiến giữ 3,00%). Tác động: Ổn định CNY, hỗ trợ cổ phiếu TQ và châu Á; bất ngờ cắt giảm kích thích rủi ro tài sản</p>	 <p>Nhật Bản: Cán cân thương mại + Xuất/nhập khẩu tháng 3. Tác động: JPY mạnh nếu thặng dư lớn, hỗ trợ cổ phiếu xuất khẩu.</p>	 <p>Hàn Quốc: GDP quý 1 sơ bộ. Tác động: KRW và chứng khoán Hàn biến động theo tăng trưởng; yếu hơn dự báo gây áp lực bán.</p>	 <p>Châu Âu Flash PMI S&P Global (Đức, Eurozone, Anh, Mỹ). Tác động: EUR/GBP/USD mạnh nếu >50 (tăng trưởng), yếu → bán tháo tiền tệ và cổ phiếu châu Âu/Mỹ.</p>	 <p>Anh: Doanh số bán lẻ tháng 3. Tác động: GBP tăng nếu mạnh (tiêu dùng tốt), ảnh hưởng BoE và FTSE; yếu → GBP giảm.</p>
 <p>Mỹ: Bắt đầu mùa báo cáo kết quả kinh doanh Q1 (nhiều doanh nghiệp lớn). Tác động: Tăng niềm tin chứng khoán Mỹ nếu kết quả vượt dự báo.</p>	 <p>Mỹ: Doanh số bán lẻ tháng 3 (dự báo +1,3%). Tác động: USD mạnh nếu cao, xác nhận tiêu dùng khỏe → Fed ít cắt giảm; yếu → lo ngại suy thoái.</p>	 <p>Anh: CPI lạm phát tháng 3 (dự báo 3,3% YoY). Tác động: GBP tăng nếu nóng, trì hoãn cắt giảm BoE; mát → GBP yếu.</p>	 <p>Nhật Bản: Flash PMI sản xuất/dịch vụ. Tác động: JPY biến động, hỗ trợ hoặc kìm hãm cổ phiếu Nhật nếu cải thiện/kém.</p>	 <p>Trung Quốc: Triển lãm Ô tô Bắc Kinh khai mạc. Tác động: Cổ phiếu ngành xe điện và ô tô TQ tăng, thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực EV.</p>

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SSC	HOSE	19/05/2026	20/05/2026	19/06/2026	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	HSG	HOSE	4/5/2026	5/5/2026		Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
3	HMH	HNX	28/04/2026	29/04/2026	19/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	WSB	UPCoM	23/04/2026	24/04/2026	22/05/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	TBC	HOSE	22/04/2026	23/04/2026	8/5/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	CDC	HOSE	17/04/2026	20/04/2026		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
7	SBT	HOSE	17/04/2026	20/04/2026		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	CTD	HOSE	17/04/2026	20/04/2026		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Thưởng cổ phiếu
9	BWA	UPCoM	16/04/2026	17/04/2026	15/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	QNS	UPCoM	16/04/2026	17/04/2026	28/04/2026	Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	BNW	UPCoM	15/04/2026	16/04/2026	14/05/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	TDM	HOSE	14/04/2026	15/04/2026	29/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	ANT	HOSE	13/04/2026	14/04/2026	24/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VNX	UPCoM	13/04/2026	14/04/2026	4/5/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 13,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	PTM	UPCoM	10/4/2026	13/04/2026	17/04/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	NBE	UPCoM	9/4/2026	10/4/2026	16/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HAM	UPCoM	8/4/2026	9/4/2026		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1	Thưởng cổ phiếu
18	VGR	UPCoM	8/4/2026	9/4/2026	17/04/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 3,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	BSH	UPCoM	8/4/2026	9/4/2026	24/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	VTP	HOSE	7/4/2026	8/4/2026		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:42, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn



THANK YOU